

Tôi còn nhớ câu chuyện anh kể cho cán bộ, học viên trong trường: Ngày khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, sáng chủ nhật, 26 tháng 5 năm 1946, Bác Hồ cùng Chủ tịch Quân ủy hội Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng Phan Anh đến trường từ rất sớm. Người không vào hội trường mà đi thẳng vào doanh trại xem nơi ăn, chốn ở, lớp học, thao trường. Đến đâu Bác cũng hỏi anh em về tình hình ăn uống, tập luyện, sức khỏe, tinh thần... Bác rất hài lòng về cơ sở vật chất và tổ chức của nhà trường. Khi đến nhà bếp, thấy anh em ăn thừa, Bác đã phê bình: “Cơm thừa là do học viên không ăn được, như vậy không đảm bảo sức khỏe luyện tập. Mặt khác, cơm thừa đổ đi là phí phạm. Dân mình vừa mới qua một trận đói khủng khiếp năm ngoái. Nay dân đóng góp nuôi quân mà ta bỏ phí là có tội!”. Tiếp thu ý kiến Bác, ngay hôm sau, cơm thừa còn sạch được tận dụng ủ làm tương cho bộ đội ăn. Cũng chính lời dạy ấy là bài học sâu sắc để anh truyền đạt lại cho các thế hệ cán bộ, học viên sau này.

Cán bộ, học viên trông thấy anh rất kính nể. Được Bác kí sắc lệnh phong hàm Thiếu tướng đầu năm 1948 nhưng tác phong anh rất giản dị, gần gũi anh em, luôn thăm hỏi mọi người. Khi làm việc anh rất nguyên tắc, rất nghiêm khắc, thậm chí hơi khắt khe với cán bộ nhưng không làm mất lòng ai.

Năm 1958, tôi được phong quân hàm Thượng tá. Sau này, về làm Chính ủy Sư đoàn 312, sang Lào rồi về

Quảng Trị chiến đấu. Năm 1980, tôi lại được phân công về làm Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy Trường Sĩ quan Lục quân I, ở đó đến bảy - tám năm.

Có nhiều năm gắn bó với Trường Lục quân nhưng có thể nói những năm tháng sống gần anh Trần Tử Bình, chúng tôi đã có những kỉ niệm đẹp ! Cho dù thời gian có trôi qua, các thế hệ lần lượt ra đi nhưng kỉ niệm về những ngày sống và làm việc với anh thật khó quên !

Hà Nội, chiều 26-8-2003.

Anh Thy ghi

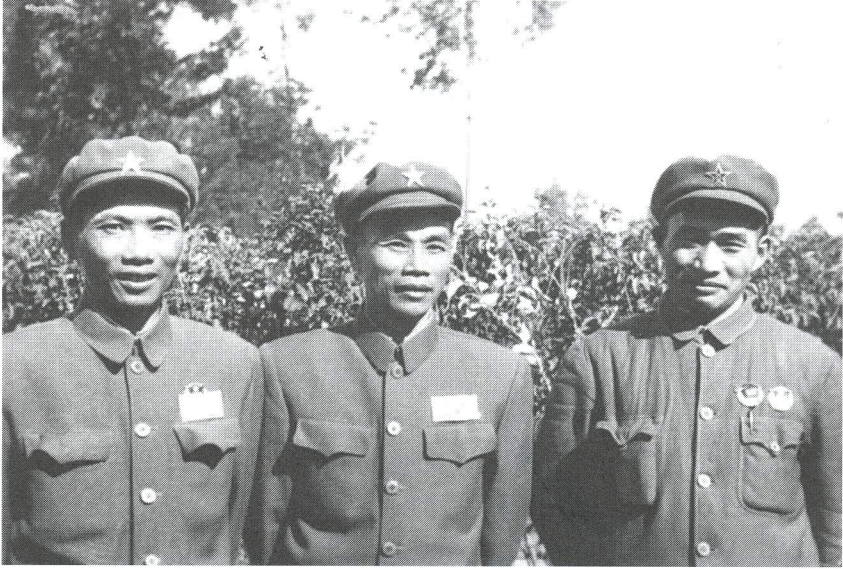
THIẾU TƯỚNG CHÍNH ỦY VÀ VIỆC XÂY DỰNG KỸ LUẬT QUÂN ĐỘI

Thiếu tướng Đỗ Văn Phúc¹

Việc xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam là một quá trình lâu dài và gian khổ, từ không đến có, từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh... Là một cựu học viên khóa VI Trường Lục quân Việt Nam - nhà trường chính quy đầu tiên đào tạo cán bộ quân đội của Nhà nước Việt Nam non trẻ - tôi muốn ghi lại một kỷ niệm với Thiếu tướng Chính uỷ Trần Tử Bình trong việc góp phần xây dựng kỹ luật quân đội cách mạng.

Năm 1949, từ Trường Trung học Lương Ngọc Quyến - Thái Nguyên, tôi được gọi đi học Lục quân. Đầu năm 1950, sau khi Bác Hồ thỏa thuận được với Đảng và Chính phủ Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thầy trò chúng tôi cùng nhà trường hành quân bộ theo đường Hà Giang sang Côn Minh, tỉnh Vân Nam.

¹ Cựu học viên khóa VI Trường Lục quân Việt Nam, nguyên Tùy viên Quân sự tại Liên bang Nga.



*Lãnh đạo nhà trường ở Vân Nam (1952).
Từ trái qua: Hiệu trưởng Lê Thiết Hùng, Chính ủy
Trần Tử Bình và đồng chí Trương cố vấn.*

Ngay từ khi quân đội ta mới thành lập, việc huấn luyện và xây dựng kỷ luật chưa có chuẩn mực chung mà bị ảnh hưởng theo nhiều mô hình rèn luyện khác nhau. Một số cán bộ được Bác Hồ gửi đi học Trường Quân sự Hoàng Phố (1926-1927) hay Trường Quân sự Quảng Tây (1941-1942) thì áp dụng giáo án huấn luyện quân sự Trung Quốc. Các sĩ quan từng theo học các trường sĩ quan của Pháp, về với cách mạng, thì lại dùng giáo án huấn luyện kiểu Pháp. Sau ngày Cách mạng thành công, ta sử dụng

một số sĩ quan Nhật về với Việt Minh làm giáo viên huấn luyện quân sự; họ mang theo phong cách rèn lính của quân đội Nhật hoàng... Như vậy “kỷ luật thép” theo kiểu “Tàu”, Pháp, Nhật được áp dụng không chỉ ở Trường Lục quân mà cả các đơn vị. Kỷ luật này thậm chí khắc nghiệt đến mức “quân phiệt”.

Anh em lính ta rất trẻ, phần lớn là nông dân cùng số học sinh dời đô thị vào quân ngũ, chưa quen ngay với kỷ luật “nhất cử nhất động” của quân đội. Vốn tự do nên dễ vi phạm và bị thủ trưởng thi hành kỷ luật. Hiện tượng cán bộ làm nhục lính: tát tai, đá đít, bắt lính quỳ, bò... khá phổ biến ở các đơn vị. Ở Trường Lục quân cũng vậy, “phạt” như cơm bữa ! Bò, quỳ, chạy dài, đứng nghiêm hàng tiếng đồng hồ là những hình phạt thường xuyên. Cá biệt có học viên bị phạt phải đứng dưới cột cờ, tay phải giữ một chiếc kim khâu không được để rơi. Giữa trời nắng chang chang, mồ hôi mồ kê nhễ nhại thì làm sao mà giữ nổi chiếc kim khâu !? Có học viên bị họ, nhờ khắc khổ trong hàng quân, bị cán bộ phạt bắt cúi xuống liếm sạch vết nhổ dưới đất. Việc thi hành kỷ luật thậm chí mang “tính liên đới chịu trách nhiệm”, nếu một học viên bị kỷ luật thì cả tiểu đội bị lây, mà một tiểu đội đã bị thì cả trung đội, đại đội cũng bị liên đới. Kỷ luật của nhà trường lúc bấy giờ đúng là rất nghiêm nhưng không khí trong đơn vị hết sức căng thẳng. Giữa cán bộ và học viên bất bình đẳng. Học viên thì sợ cán bộ như sợ cọp, nhưng uất ức; còn cán bộ thì coi học viên như tay sai, không còn

bản chất của một quân đội nhân dân. Nhiều anh em gọi đây là “trường luật quân” (!).

Khi nhà trường sang Trung Quốc, sau khi phát hiện ra việc chấp hành những quy định về kỷ luật trong quân đội quá hà khắc, thậm chí “quân phiệt”, Chính trị Cục đã có những chỉ thị uốn nắn trong rèn luyện kỷ luật. Trong nhà trường được hướng dẫn: cán bộ, học viên phải học tập “tác phong Hồ Chủ tịch” và “tư tưởng mới - quan điểm quần chúng” (từ quần chúng mà ra, rồi lại trở về với quần chúng). Từ đây không khí dân chủ lan nhanh trong toàn trường; nhưng hiện tượng mới lại phát sinh: cán bộ sợ học viên và ngược lại, quá khích, học viên coi thường cán bộ.

Năm 1950, Thiếu tướng Trần Tử Bình được phân công về lại Trường Lục quân Việt Nam làm Chính ủy. Là tướng nhưng tác phong ông rất giản dị, sâu sát quần chúng. Khi xuống các tiểu đoàn, các lớp, khi tiếp xúc với học viên, ông đã phát hiện ra vì sự thái quá này làm kỷ luật của đơn vị trở nên lỏng lẻo. Ông đã cho họp Hiệu ủy và cán bộ nhà trường, ra chỉ thị uốn nắn hai thái cực này, sao cho trong đơn vị giữa thủ trưởng và chiến sĩ phải dân chủ, đoàn kết nhưng kỷ luật phải thật nghiêm minh, không được lỏng lẻo. Và ông đã thành công. Từ đây trong toàn trường có không khí đoàn kết, rất hồ hởi, phấn khởi nhưng kỷ luật vẫn rất nghiêm và tạo ra một sức mạnh mới trong “rèn quân, chỉnh cán”.

Sau tháng năm huấn luyện tại trường, các cán bộ tốt

nghiệp Lục quân đã mang theo tư tưởng và tác phong mới về các đơn vị trong toàn quân. Họ đã góp một phần xây dựng kỷ luật quân đội với tinh thần mới tới từng cán bộ, chiến sĩ. Bản thân tôi sau khi tốt nghiệp được phân về Đại đoàn 316 làm trung đội trưởng của đại đội 56 (thuộc trung đoàn 98) và vinh dự được tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử 1954. Tất cả những gì học được ở nhà trường tôi đã cố gắng vận dụng tại đơn vị mình.

Nghĩ lại mới thấy đúng, việc rèn luyện kỷ luật trong giai đoạn quân đội ta lên chính quy, hiện đại là một việc làm tất yếu, thường xuyên; nhưng cách đây hơn nửa thế kỷ lại là vấn đề không nhỏ ! Đây cũng là một kỷ niệm khó quên của tôi với Chính uỷ Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam - Thiếu tướng Trần Tử Bình.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3-2005

ANH BÌNH TRONG THỜI KỲ SỬA SAI

Nguyễn Trung¹

Quê hương tôi ở xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Gia đình tôi là gia đình điền chủ lớn. Sau năm 1940, phong trào cách mạng ở Phú Thọ được gây dựng lại do các anh Đào Duy Kỳ hoạt động ở Thanh Ba, Phù Ninh; anh Trần Tử Bình ở Cổ Tiết, Ba Triệu và anh Nguyễn Văn Thản, học sinh trường Bưởi, do bị lộ đã lánh về làm gia sư trong gia đình tôi và vận động anh em tôi theo cách mạng. Sau này còn một luồng cách mạng nữa là các anh Ngô Minh Loan, Bình Phương... vượt tù từ Nghĩa Lộ, Sơn La về.

Từ năm 1941, anh Trần Tử Bình được Xứ ủy cử về nằm vùng tại bãi giữa sông Thao (thuộc xã Cổ Tiết). Cơ sở cách mạng trực tiếp là gia đình anh Đỗ Văn Mô. Trong vai ông lang bốc thuốc, anh Bình mang thuốc nam cùng

¹ Lão thành cách mạng hoạt động ở Phú Thọ.



Lão đồng chí Nguyễn Trung (bìa phải) phát biểu trong lễ tưởng niệm đồng chí Trần Tử Bình.

tài liệu, báo chí cách mạng tới các cơ sở để gây dựng phong trào. Bà con gọi anh là “ông lang Khôi”. Chỉ biết tiếng anh vì tôi hoạt động theo dây của anh Thản. Các anh là cán bộ cấp trên - Tổng bộ Việt Minh, còn chúng tôi là cấp dưới, đi rải truyền đơn, đưa Báo *Tiền Phong*, Báo *Cờ Giải phóng*...

Ngày Tổng khởi nghĩa, tôi là Chủ nhiệm Việt Minh, còn anh Đỗ Văn Mô (nay đã 96 tuổi đang sống tại Vũng Tàu) là Phó chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Phú Thọ. Sau đó tôi được chỉ định vào Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ, rồi lên Yên Bái làm Thường vụ Tỉnh ủy và Giám đốc Sở Giao

thông, tham gia xây dựng đường 13 (khi anh Nguyễn Văn Trân làm Bộ trưởng và anh Lê Dung là Thứ trưởng Bộ Giao thông).

Cuối năm 1946, đầu 1947, các anh Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt đi qua đồn điền Ba Triệu để chuẩn bị đưa Bác, Trung ương và Chính phủ lên Chiến khu Việt Bắc. Ngày 3 tháng 4 năm 1947, Bác Hồ đã đến ở nhà tôi, sau đó chuyển lên nhà ông Nguyễn cách đó hơn 1 km. Từ đó nhà tôi trở thành trạm giao liên của Trung ương do anh Trần Đăng Ninh phụ trách. Chúng tôi được đón các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Trần Tử Bình, Lê Trọng Tấn... về nhà mình. Chị Loan (vợ anh Hoàng Văn Thái) và cả chị Hưng (vợ anh Bình), khi đó vừa mới sinh cháu Trần Kháng Chiến, cũng lên trú ở nhà tôi. Khi về đây, những lúc rảnh rỗi vào buổi tối, các anh hay ngồi quanh đồng lửa, bên ấm chè Phú Thọ, trao đổi với nhau về lí luận cách mạng (Duy vật biện chứng, Duy vật lịch sử, Đường lối chiến tranh nhân dân...) và những kinh nghiệm trong đấu tranh. Chúng tôi cũng được ngồi nghe, thấy rất thú vị vì được học thêm nhiều điều mới lạ. Thời gian đó tình cảm giữa bậc đàn anh cách mạng với chúng tôi thật gần gũi, ấm cúng.

Riêng với chị Nguyễn Thị Hưng, vợ anh, có thời gian cùng công tác với tôi ở Phú Thọ và hai đại gia đình chúng tôi có những quan hệ thân thiết. Năm 1949, tôi là Thường

vụ Tỉnh ủy Phú Thọ phụ trách tổ chức, chị là Tỉnh ủy viên phụ trách phụ vận. Sau khi tôi đi Yên Bái thì chị Hưng thay tôi...

Đầu năm 1953, ta tiến hành giảm tô và giảm tức, cải cách ruộng đất. Vì có đóng góp cho cách mạng nên gia đình tôi không bị quy là địa chủ. Nhưng đến đầu năm 1955 khi tiến hành “chỉnh đốn tổ chức” (mà Phú Thọ được chọn là “tỉnh thí điểm”) thì tôi bị “đội chỉnh đốn” gọi về thẩm tra. Tôi sinh năm 1924, từ năm 1941 đến năm 1943 là học sinh Trường Trung cấp Canh nông Tuyên Quang, sau đó đi hoạt động cách mạng thì không thể có thời gian tham gia bóc lột, vậy không thể quy là địa chủ. Tuy nhiên “đội” đã gán cho tôi là đảng viên Quốc dân Đảng với lí do: gia đình đã chứa chấp Nguyễn Hải Thần và nuôi giấu “hai con mẹ người Nhật”; đêm đêm đã “bóp máy điện báo” chỉ điểm cho máy bay địch. Đúng là “nhất đội nhì giới”, “đội” đã “đề bạt” tôi rất nhanh từ Bí thư chi bộ Quốc dân Đảng huyện, rồi Thường vụ phụ trách tổ chức Quốc dân Đảng tỉnh, khi lên Yên Bái thì cho là đã làm Khu ủy phụ trách Quốc dân Đảng và cuối cùng khi lên Tây Bắc (làm nhiệm vụ từ ngày Khu tự trị Thái - Mèo ra mắt) thì bị quy là Ủy viên Trung ương phụ trách vùng Tây Bắc. Lập tức “đội” tổng giam tôi vào nhà tù Phú Thọ, bị gông chân suốt 13 tháng (được xả cùm đúng một lần vào ngày mừng Một Tết năm 1957). Trong thời gian bị tù, tôi kiên quyết không nhận mình là Quốc

dân Đảng. Vậy là nhận án tử hình.

Họ đâu có biết, ngày đầu kháng chiến vì yêu cầu bí mật của trạm giao liên, không cho phép lộ ra ai đã đến và không cho người lạ (kể cả bà con cùng xóm) được vào nhà, nên nhìn từ xa họ chỉ thấy có một ông lão gầy gò, râu dài và cho là Nguyễn Hải Thần. Còn hai “con mẹ người Nhật” chính là chị Hưng và chị Loan. “Máy điện báo” thực ra là mấy cái đèn bóp đi-na-mô, khi anh Phạm Văn Đồng sang Pháp năm 1946, được bà con Việt kiều cho, mang về nước.

Khi “đội” phúc tra lại lần cuối để chuẩn bị xử bắn, tôi vẫn một mực khai gia đình tôi là cơ sở cách mạng và Bác Hồ, chị Hưng, chị Loan đã từng ở nhà tôi. Đúng hai chục ngày sau, vào buổi sáng đang chán nản, thất vọng giữa sống và chết, đang nghĩ nếu bị bắn sẽ hô ra làm sao (!), bỗng thấy cửa xà lim bật mở. Tôi thấy anh Trần Tử Bình đứng ngay trước mặt và hỏi:

- Trung, cậu có nhận ra ai đây không ?

- Anh Trần Tử Bình... anh Bình... Tổng Thanh tra quân đội !

- Mở gông ra ! - Anh lệnh cho viên giám thị rồi vực tôi dậy, nói tiếp - Hôm nay, tớ thay mặt cho Đảng và Chính phủ vào đây xin nhận khuyết điểm đã quy oan cho cậu và gia đình. Tớ xin lỗi cậu và gia đình. Vậy cậu có ý kiến gì không ?

- Thôi anh ạ, ý kiến gì nữa, anh cho em về với vợ con

và gia đình. Cả nhà cố gắng hiến cho cách mạng mà bị đối xử như thế. Em... sợ lắm rồi !

Dù tai đã nghe anh Bình hỏi và miệng đã trả lời anh nhưng tôi vẫn không dám tin đó là sự thật, như trong mơ từ cái chết trở về. Vậy là anh Trần Tử Bình đã cứu sống tôi, đã sinh ra tôi lần thứ hai. Tôi mãi mãi không quên ơn anh !

Ngày tôi trở về từ nhà tù sau “sửa sai”, chính anh Bình đã tới thăm, động viên tôi bỏ qua sai lầm của Đảng để tiếp tục hoạt động. Ân nghĩa này lớn lắm !

... Anh Trần Tử Bình là một tấm gương sáng không chỉ cho thế hệ chúng tôi mà còn cho thế hệ con cháu chúng ta. Anh đã có nhiều đóng góp cho Hà Nội mà chưa thấy có góc phố nào mang tên anh. Qua Hội Sử học, tôi xin kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu để đặt tên Trần Tử Bình cho một phố mới của Thủ đô.

TÔI ĐƯỢC ÔNG TRẦN TỬ BÌNH CỨU SỐNG

Dương Văn Khái¹ kể

Tôi sinh năm 1922 tại xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Khi còn nhỏ được gia đình cho đi học, đến khi kháng chiến bùng nổ thì theo Việt Minh đánh Tây. Năm 1953, trước khi kết thúc chiến tranh, tôi đã được tổ chức phân về công tác tại An toàn khu ở Nghệ An, làm bí thư chi bộ Nông trường Bà Triệu² (đơn vị kinh tế của Đảng). Tới thời kì chỉnh đốn sửa sai, năm 1956-1957, có lẽ vì có dính trí thức “tiểu tư sản” mà tôi bị “đội” quy là đảng viên Quốc dân đảng. Bị oan ức nhưng ngày đó dân ta có câu “nhất đội, nhì giới”, nên mọi sự thanh minh đều vô nghĩa. Tôi bị giam và chờ chết.

Sáng hôm đó, “đội” lôi tôi ra chuẩn bị hành quyết. Từ sớm, bà con đã kéo ra đầu làng chờ xem “đội” xử một

¹ Chuyên viên Ủy ban Phát thanh-Truyền hình Việt Nam.

² Sau này là nông trường Đông Hiếu, Tây Hiếu.

đảng viên Quốc dân Đảng. Khi đã bước lên đoạn đầu đài, nhìn xuống thấy thằng con trai đang vất vẻo trên cây, chờ xem người ta xử tử bố. Cháu còn nhỏ quá, ngô nghê, không hay biết gì. Thương cháu nhưng chẳng thể làm gì hơn, nước mắt tôi trào ra... Bỗng từ xa thấy một chiếc xe com-măng-ca phóng đến. Bụi tung mù mịt sau xe. Thấy có gì hơi khang khác nên “đội” dừng thi hành án. Bà con nhón nháo, thấp thỏm chờ đợi. Đến nơi, xe phanh gấp, dừng lại. Cửa xe vừa bật mở thì thấy một cán bộ nhỏ người, khoác trên mình bộ quân phục có gắn quân hàm thiếu tướng, bước ra. Tôi không hề biết ông là ai. Ông đi thẳng đến trước người phụ trách, hỏi:

- Anh là người có trách nhiệm ở đây ? Đưa tôi xem bản án ! - Sau khi đọc lướt qua, ông đồng dục - Nhân danh Phó tổng Thanh tra Chính phủ tôi tuyên bố hủy bản án này. Mọi việc sẽ có thông báo sau !

Vừa nghe ông tuyên bố, bà con tung hô, vỗ tay rào rào. Riêng tôi cận kề cái chết chỉ trong gang tấc, nếu ông đến chậm ít phút nữa, chắc là tôi đã... Được cởi trói, nước mắt giàn giụa tôi chạy ngay xuống ôm lấy thằng bé. Lúc bấy giờ tôi mới biết đó chính là Thiếu tướng Trần Tử Bình ! Ở này lớn quá !... Xong xuôi, ông lại lên đường.

Rồi tôi cũng chẳng có dịp nào gặp ông để tạ ơn... Tết năm 1967, nghe tin ông mất, ở nơi sơ tán tôi đã thấp nén nhang tưởng nhớ ông.

Gần chục năm sau, không hiểu có phải do số phận run rủi mà con rể tôi - cháu Phạm Văn Bính, sĩ quan

quân đội - lại công tác cùng đơn vị với Trần Kiến Quốc, con trai ông. Khi nghe cháu kể về bạn bè, tôi rất mừng vì anh em nó thân thiết với nhau. Trong một bữa cơm ở nhà, có cả các con ông Trần Tử Bình, tôi đã kể lại lần tôi thoát chết:

“Hồi đó cán bộ, đảng viên bị quy oan nhiều lắm. Tổng Thanh tra Chính phủ phải đi khắp nơi để minh oan. Chỉ cần đêm hôm ấy, mệt mỏi vì công việc mà cha cháu ngủ rồi sáng hôm sau mới lên đường thì chú chẳng còn sống đến ngày hôm nay. Ông đã phóng xe suốt đêm từ Hà Nội để về đến Nghệ An, sáng ra kịp đọc lệnh tha. Cha cháu là một con người hết sức trách nhiệm với công việc.

Mà lạ thật, chú lại chẳng hề quen biết, chưa bao giờ gặp hay quan hệ gì với ông.

Cha cháu là người đã sinh ra chú lần thứ hai !”.

Hà Nội, đầu năm 1984.

Trần Thành Công ghi.

NHỚ CẬU PHẠM VĂN PHU

Trần Văn Thản

Tiêu Động Thượng quê tôi có nhà thờ Thiên Chúa giáo, xây dựng từ năm 1895. Cả thôn có bốn dòng họ Trần, Nguyễn, Lê, Phạm nhưng họ Phạm là lớn nhất. Đây là thôn công giáo toàn tòng. Tôi là cháu họ, gọi ông Phạm Văn Phu là cậu vì ông ngoại chúng tôi - cụ Phạm Văn Giai là anh của cụ Phạm Văn Cống (bố đẻ ra ông Phu). Mẹ chúng tôi - bà Phạm Thị Luộc là chị con bác ruột của ông Phu. Trong gia đình tôi, chị Trần Thị Óng sinh năm 1928, còn tôi là em út (sinh năm 1947).

Là họ gần nên chị Óng thường được gặp cậu Phu, khi cậu từ Côn Lôn được thả về quản thúc ở Bình Lục, những năm 1937-1940. Chị tôi còn nhớ, ngày đó để kiếm kế sinh nhai, cậu làm thầy ký tiệm ở trạm xá phố huyện. Cậu là người nhân đức nên hễ nhà nào có ai ốm đau, cần cấp cứu, tiệm chích thuốc, chẳng quản đêm hôm, giá rét, cậu xách túi thuốc đi ngay. Ngày về sống



“Bàn tay này mẹ đã che giấu các con thời kỳ bí mật”.

ở quê, cậu cưới một người vợ, tên là Vòng. Khoảng năm 1939, cô Vòng ốm chết vì lao lực. Chị tôi vẫn nhớ hình ảnh cậu Phu người gày gò, nhỏ bé, đau buồn đưa tiễn cô ra nghĩa trang. Cậu không đi lễ vì gia đình bị Nhà thờ “rút phép thông công” từ năm 1930 (do cậu tham gia nổi loạn ở Phú Riêng và bị đi đày ở Côn Đảo), nhưng rất thông hiểu Kinh Thánh. Hễ có ai gặp khó khăn trong cuộc sống, hay bị cưỡng bức, chèn ép là cậu tới thăm hỏi rồi hướng dẫn đường đi nước bước.

Mẹ tôi kể lại: Sau ngày cô Vòng chết, cậu Phu sống trong một túp lều ngoài đồng. Thương em, mẹ tôi thường thổi cơm rồi cho chị Óng mang cơm ra cho cậu. Những năm ấy, không ai trong họ biết cậu đang hoạt động bí mật. Cậu thường nói với mẹ tôi thế này: “Đời bọn trẻ rồi sẽ sướng chứ không khổ như bây giờ?”. Mẹ tôi thắc mắc: “Sướng là sướng thế nào? Sao cậu biết, chứ bây giờ thì khổ quá, thóc trong nhà cũng không đủ mà ăn!”. Cậu không giải thích mà chỉ nói: “Đấy, chị cứ chờ xem!”.

Mãi tới ngày hòa bình mới biết những năm ấy cậu từng làm Bí thư Huyện ủy Bình Lục rồi Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam. Trong nhân dân vẫn nhắc lại chuyện trước Cách mạng, ông Phu thường tổ chức khai hội bí mật ở đình Tiêu Hạ, nằm giữa Tiêu Động Thượng và Tiêu Động Hạ. Có lần, ông Hạ Bá Cang¹, ông Phan Trọng Tuệ và nhiều cán bộ đã về dự họp.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, cậu có về thăm quê. Lần đó cậu đưa vợ Hưng về chào họ hàng, bà con. Ngày ông Pho, anh ruột cậu, chết (năm 1949), cậu không về được, Vệ quốc đoàn đã cử một tiểu đội về bỗng súng đưa ông đi.

Chục năm sau, khi hòa bình lập lại, cậu mới về thăm quê. Đường xấu, xe con phải để tận ngoài đường 21 đi Nam Định. Cậu xắn quần, lội bộ tắt theo đường ruộng,

¹ *Đồng chí Hoàng Quốc Việt.*

đi gần chục cây số về làng. Đất nước vừa qua chiến tranh, phải hết sức cẩn trọng trong công tác bảo vệ cán bộ cao cấp; nhất là Tiêu Động Thượng lại là thôn công giáo toàn tòng, có nhiều người vừa theo địch vào Nam. Các đồng chí bảo vệ rất lo, sợ an ninh không bảo đảm nên theo sát cậu từng bước. Thấy như vậy sẽ không được tự nhiên trò chuyện, cậu cười và bảo: “Các chú đừng lo, cứ yên tâm đi nghỉ một lát cho khỏe người. Ở đây toàn là người làng và họ hàng thân thiết cả, chả lẽ họ lại hại tôi?”. Cậu thân tình đi thăm hỏi từng nhà, nhất là những gia đình từng nuôi giấu cậu trong thời kì bí mật.

Là con út nên tôi được mẹ cho lên Hà Nội. Lăn lên Thủ đô năm 1956, có ghé qua nhà cậu. Tôi nghe được chuyện cậu tâm sự với mẹ tôi: “Chị có nhớ lời em nói ngày nào, giờ đây bọn trẻ đã được sống trong hoà bình, tự do. Đời chúng nó sướng rồi...”. Cậu dừng lời rồi tiếp “Tuy đã có hòa bình, nhưng nhân dân miền Bắc còn phải thắt lưng buộc bụng, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình hình Tổng tuyển cử chắc là không thực hiện được. Đế quốc Mỹ sẽ nhảy vào miền Nam, Ngô Đình Diệm đã theo chân Mỹ. Chắc chắn phải đưa bộ đội miền Bắc vào miền Nam mới giải quyết được vấn đề thống nhất. Vì vậy miền Bắc phải trở thành hậu phương vững chắc cho miền Nam.” Sau này nghĩ lại mới thấy cậu nói rất chí lý. Lúc ra về, cậu đưa cho tôi chục cuốn vở, giấy trắng tinh, rồi ân cần dặn dò: “Cháu phải học thật giỏi.

Có học giỏi sau này mới dựng xây được đất nước.” Lời cậu dặn mộc mạc, giản dị nhưng tôi nhớ mãi. Trước ngày đi làm Đại sứ ở Mông Cổ và Trung Quốc, đầu năm 1959, cậu lại về thăm quê.

Là con cháu họ Phạm, chúng tôi rất tự hào về cậu Phạm Văn Phú, người đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Không những vậy, dân Tiều Động Thượng chúng tôi còn có niềm tự hào là: *vùng thôn quê duy nhất “vừa phát Thánh lại vừa phát Tướng”!*¹

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 5-2005

¹ Phê-rô Nguyễn Văn Hiếu (1783-1840) là thầy giảng, được Tòa thánh Vati-căng phong Thánh tử vì đạo năm 1900, còn ông Trần Tử Bình được Hồ Chủ tịch tấn phong Thiếu tướng đầu năm 1948.

LỄ TRÌNH QUỐC THƯ CÓ MỘT KHÔNG HAI¹

Đại tá Đoàn Sự² kể

Những năm cuối của thập kỷ năm mươi, Chủ tịch Mao Trạch Đông có thói quen ngủ vào ban ngày và thức trắng đêm để làm việc. Các công việc mang tính chất ngoại giao, hành chính không còn phù hợp với tác phong làm việc của ông. Trong Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã chuẩn bị để đồng chí Lưu Thiệu Kỳ thay thế ông điều hành đất nước, còn ông chuyển sang làm công tác Đảng.

Thời gian này, đồng chí Nguyễn Khang là Đại sứ của ta tại Bắc Kinh từ năm 1957 đã sắp mãn hạn và cần người thay thế. Đồng chí La Quý Ba - nguyên Thứ trưởng Ngoại

¹ Bài đăng trên Báo Tiền Phong Chủ nhật số 9, ngày 3-3-2002, nhân dịp Chủ tịch Giang Trạch Dân sang thăm Việt Nam.

² Cán bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh, nguyên Giám đốc NXB Quân đội.



*Mao Chủ tịch tiếp Đại sứ Trần Tử Bình
sau buổi lễ trình quốc thư đêm 15-4-1959.*

giao, người đã “đồng cam cộng khổ” với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở Chiến khu Việt Bắc - đã đề đạt ý kiến của phía Bạn đề nghị ta cử đồng chí Trần Tử Bình - một tướng lĩnh đã có kinh nghiệm trong công tác đối ngoại với Trung Quốc - sang làm Đại sứ thay đồng chí Nguyễn Khang. Hồ Chủ tịch và Trung ương sau khi xem xét đã nhất trí cử đồng chí Trần Tử Bình sang Trung Quốc.

Ngày 10 tháng 4 năm 1959, đồng chí lên đường đi Bắc Kinh. Chiều ngày 13 tháng 4, Bộ trưởng Ngoại giao Trần Nghị đã tiếp đồng chí. Bộ phận Lễ tân của sứ quán được

thông báo: Lễ trình quốc thư không tiến hành ở Đại Lễ Đường mà sẽ tổ chức ở Trung Nam Hải, thời gian: 12 giờ đêm ngày 15 tháng 4, với một lý do đặc biệt: Mao Chủ tịch chỉ làm việc về đêm. Với tác phong giản dị, trước khi đi, đồng chí Trần Tử Bình phân vân: “Mình mặc bộ Tôn Trung Sơn đi trình quốc thư có được không? Vì không thạo thắt cà-vạt, mỗi lần đi cứ phải nhờ anh em... thật bất tiện”. Cán bộ lễ tân giải thích: “Trình quốc thư là nghi lễ quốc gia, vậy anh phải mặc com-plê đen, thắt cà-vạt...”.

Đã gần nửa đêm, chiếc xe Ziss màu đen, mang biển số ngoại giao, cắm quốc kỳ Việt Nam, được mô tô cảnh sát dẫn đường xuyên màn đêm chạy vào Trung Nam Hải. Khi kim đồng hồ chỉ 12 giờ, xe dừng tại bậc thềm phòng khách của Mao Chủ tịch. Mao Chủ tịch ra tận ô-tô mở cửa đón đồng chí Đại sứ trong sự ngỡ ngàng của các cán bộ tùy tùng. (Đây là một việc chưa bao giờ Chủ tịch làm với bất cứ vị khách ngoại giao nào). Chủ tịch mời tân Đại sứ vào phòng khánh tiết, vừa đi ông vừa lấy tay vỗ nhẹ vào bụng đồng chí: “Bụng đồng chí to rồi đấy, to hơn hồi công tác ở Vân Nam. Tôi cũng vậy, mà vòng bụng càng to thì vòng đời càng ngắn. Phải chịu khó tập thể dục thể thao mới được!... Thôi, ta sẽ tiến hành làm thủ tục trình quốc thư. Mà đơn giản thôi vì toàn người quen cả, chúng ta đều là bạn chiến đấu.”

Trong phòng khánh tiết, đứng cạnh Mao Chủ tịch là Bộ trưởng Ngoại giao Trần Nghị. Đồng chí Trần Tử Bình trình trọng trình quốc thư của Hồ Chủ tịch cho Mao Chủ tịch. Các nghi lễ rất đơn giản trong không khí thật trang

nghiêm. Sau khi kết thúc thủ tục trình quốc thư, tất cả được mời vào phòng khách. Mao Chủ tịch vui vẻ nói:

- Xin thông báo cùng Đại sứ, kể từ ngày mai, tôi không còn làm Chủ tịch Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mà chuyển sang làm công tác Đảng. Già rồi không còn khả năng làm công việc hành chính mà chỉ làm công tác nghiên cứu thôi.

Nói rồi ông cho phục vụ mở rượu Mao Đài. Chủ khách cùng nâng ly mừng hội ngộ. Đại sứ Trần Tử Bình chuyển lời hỏi thăm sức khỏe của Hồ Chủ tịch đến ông và các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Trong không khí lành lạnh của đêm đầu mùa hạ, với tình cảm nồng hậu pha chút hơi men, Mao Chủ tịch hỏi thăm tình hình Việt Nam, hỏi thăm Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo nước ta. Nhiều lúc không cần phiên dịch, phá bỏ nghi lễ ngoại giao, ông nói chuyện trực tiếp với đồng chí Đại sứ. Ông không quên kỷ niệm đồng chí Trần Tử Bình có thời gian 5-6 năm đã cùng tướng Lê Thiết Hùng, Lê Trọng Tấn và Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam đóng quân tại tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc). Trường đã đào tạo hơn 10 nghìn cán bộ quân sự cung cấp cho Quân đội Nhân dân Việt Nam, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. Ông nhớ rõ Việt Nam có nhiều tướng lĩnh được đào tạo ở Trung Quốc từ những năm 1926-1927 và 1942-1943. Đặc biệt “Lưỡng quốc Tướng quân” Nguyễn Sơn - Hồng Thủy từng tham gia Vạn lý Trường chinh với Hồng quân Công nông và đồng chí Lý Ban - một đảng

viên Cộng sản Việt Nam từng là Liên tỉnh ủy viên, trực tiếp lãnh đạo chiến tranh chống Nhật tại Liên tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tây. Ông nhắc lại chuyện bộ đội Việt Nam đã hy sinh xương máu giúp Trung Quốc tiêu diệt ba trung đoàn quân Tưởng Giới Thạch tại Thập Vạn Đại Sơn, đầu năm 1949. Giữa hai nước về địa lý thì “núi liền núi, sông liền sông” nhưng về tình cảm thì đúng là “môi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm” ! Ông chúc đồng chí Trần Tử Bình trong thời gian công tác tại Trung Quốc sẽ hoàn thành nhiệm vụ “làm chiếc cầu nối” giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước, góp phần thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị vốn có của hai dân tộc.

Đúng là một lễ trình quốc thư có một không hai trong lịch sử ngoại giao ! Theo thông lệ, Chủ tịch nước sẽ lần lượt tiếp nhận quốc thư của đại sứ các nước trong cùng một buổi tiếp; nhưng lần này, sau khi tiếp đồng chí Trần Tử Bình, Mao Chủ tịch không tiếp ai nữa. Đặc biệt hơn, đây là lễ nhận quốc thư cuối cùng của Chủ tịch Mao Trạch Đông trên cương vị Chủ tịch nước.

Sau đó, Đại sứ Trần Tử Bình đã công tác tại Bắc Kinh đến đầu năm 1967 và có những đóng góp tích cực trong việc tận dụng khả năng giúp đỡ to lớn của Trung Quốc chi viện cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

*Xuân 2002.
Trần Kiến Quốc ghi.*

KỶ NIỆM VỀ MỘT VỊ TƯỚNG LÀM NGOẠI GIAO

Vũ Thuần¹

Bài viết này, tôi muốn nói về đồng chí Trần Tử Bình, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam, được Bác Hồ tiến cử làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, từ tháng 4 năm 1959 đến tháng 2 năm 1967.

Vị Trưởng Đoàn Ngoại giao

Đồng chí Trần Tử Bình đảm đương nhiệm vụ Đại sứ ròng rã 8 năm trời. (Mà nhiệm kỳ thông thường của một đại sứ, ở một địa bàn, chỉ từ 3 đến 4 năm). Là người trình Quốc thư sớm nhất trong số 241 đại sứ đương nhiệm nên từ năm 1963, đồng chí mặc nhiên trở thành Trưởng Đoàn

¹ Nguyên Tùy viên phụ trách lễ tân, phiên dịch và Thư kí của Đại sứ Trần Tử Bình 1963-1967.

Ngoại giao (*Doyen of Diplomatic Corps*). Trên cương vị này, trong tất cả các hoạt động của Đoàn Ngoại giao, Đại sứ Trần Tử Bình là người đại diện duy nhất và hợp pháp. Đương nhiên bao giờ đồng chí cũng được mời ngồi vị trí trang trọng nhất của Chủ tịch đoàn trong các hội nghị quốc tế, được thay mặt Đoàn Ngoại giao phát biểu ý kiến, được đứng ra triệu tập các cuộc họp bàn về các vấn đề hữu quan của Đoàn Ngoại giao...

Phía Bạn cũng tỏ ra yên tâm về việc Đại sứ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (quốc gia có quan hệ đặc biệt), là người chủ trì các hoạt động chung trong Đoàn Ngoại giao. Vốn là tùy viên, Trưởng phòng Lễ tân của sứ quán nên tôi cũng mặc nhiên có thêm chức vụ mới, đó là Chánh Văn phòng Trưởng Đoàn Ngoại giao tại Trung Quốc. Nội dung công việc chủ yếu là sự vụ, giấy tờ, nhưng cũng choán hết 30% quỹ thời gian làm việc hàng ngày. Chẳng hạn, một đại sứ kết thúc nhiệm kì, sau khi đến chào Trưởng Đoàn Ngoại giao thì Văn phòng phải có công hàm thông báo toàn Đoàn Ngoại giao, trưng cầu góp mua tặng phẩm, thảo bài phát biểu của Trưởng đoàn và tổ chức trao tặng phẩm trong lễ từ biệt của vị đại sứ đó.

Tác phong người đứng đầu Sứ quán

Với nhiều cán bộ, công nhân viên làm việc lâu năm ở Bộ Ngoại giao, trong đó không ít người cao tuổi, đã về hưu, những người từng công tác ở Đại sứ quán ta ở Trung Quốc vào những năm 60, mỗi khi nhắc tới Đại sứ Trần Tử



Đại sứ cùng cán bộ, nhân viên Sứ quán Việt Nam tham gia tuần hành cùng nhân dân Bắc Kinh phản đối đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, năm 1964.

Bình, đều thấy gợi lên trong kí ức hình ảnh của một người Anh, người Cha, người Đồng chí tôn kính. Ông có gương mặt nghiêm nghị, quyết đoán của một vị tướng nhưng luôn vui vẻ, gần gũi với cán bộ cấp dưới của mình, bình dị trong sinh hoạt và nhân từ trong xử sự công việc. Câu nói từ cửa miệng của ông: “Nếu muốn làm việc ở đây thì phải tuân thủ đúng kỉ luật của Bộ và của Sứ quán, nếu không sẽ phải về nước, hoặc tự nguyện xin về hoặc Đại sứ kỉ luật đuổi về”. Có người hiểu, ông nói vậy để “dọa

nạt”; nhưng thực ra rất có lí để thuyết phục mọi người. Về tâm trạng chung, mọi người đều cảm thấy sờ sợ và tự giác lao vào công việc được phân công, không ai dám cãi lại Đại sứ.

Nhưng trong thực tế, Đại sứ không phải là con người như một vài anh em lầm tưởng. Có một lần, một nhân viên phục vụ bung khay có bát phở nóng lên bàn cho Đại sứ, khi ông đang chủ trì bữa tiệc. Không may, khay nghiêng làm đổ bát phở vào ngay lưng áo ông. Đêm về, anh ta lo quá, lên cơn sốt tới 39 độ; nghĩ thế nào cũng bị đuổi về nước. Sáng hôm sau, theo lời khuyên của tôi, anh lên phòng ngủ của Đại sứ xin lỗi, hứa sửa chữa khuyết điểm và xin phép được mang chiếc áo vét của ông đi giặt. Đại sứ nheo mắt lại, từ tốn hỏi: “Thế lần sau lại tái diễn thì sao?”. Anh nhân viên liếc nhìn tôi, đang ngồi gần Đại sứ, nói: “Nếu tái diễn thì dứt khoát chịu kỉ luật đuổi về nước ạ!”. Nghe xong, Đại sứ cười: “Ai cũng có lúc phạm sai lầm. Vấn đề là nhận thức thế nào về sai lầm đó. Thôi về làm việc đi. Nhớ làm bản kiểm điểm, một bản đưa anh Thuận chuyển cho tôi, còn một bản giữ làm kỉ niệm!”.

Một đại sứ luôn khắc sâu và làm đúng lời dạy của Bác Hồ

Đại sứ Trần Tử Bình thường kể với anh em cán bộ sứ quán: Trước ngày lên đường nhận nhiệm vụ ở Bắc Kinh, Bác Hồ hẹn tiếp và nhắc đi nhắc lại hai nhiệm vụ mấu chốt phải hoàn thành. Đó là:



Đại sứ và cán bộ, nhân viên Sứ quán ta, năm 1964.

1. Không bỏ lỡ cơ hội hoạt động tăng cường và củng cố quan hệ hữu nghị chiến đấu giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam, Trung Quốc.

2. Tranh thủ giải quyết kịp thời mọi yêu cầu trong nước với Bạn, tận dụng tối đa sự giúp đỡ của Bạn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cũng như trong xây dựng hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Đại sứ thường nhắc nhở anh em có ý thức thúc đẩy, giám sát và góp phần giúp Đại sứ thực hiện hai nhiệm vụ

mà Bác đã giao. Vì tôi là người có quan hệ gần gũi nhất với Đại sứ nên cứ vài tuần một lần, Đại sứ lại hẹn gặp trao đổi xem anh em, dư luận nội bộ, có nhận xét gì về công việc của Đại sứ quanh chủ đề hai nhiệm vụ trên.

Từ sau ngày Mỹ leo thang chiến tranh ra miền Bắc, Đại sứ Trần Tử Bình làm việc khẩn trương hơn, đặc biệt trong việc chạy vay để giải quyết cho được các yêu cầu trong nước, cả về quân sự lẫn kinh tế. Có những yêu cầu do đoàn ta từ trong nước sang, trực tiếp đàm phán, cũng không giải quyết được; nhưng sau đó, với các sáng kiến tiếp xúc của mình, các yêu cầu của ta đều được Bạn đáp ứng một cách trọn vẹn. Rất tiếc, đến nay, Đại sứ không còn nên nhiều tư liệu về mặt này không được nêu ra để ghi nhận.

Về sau, do nhu cầu công việc, Đại sứ đã dành hẳn phòng làm việc của mình tại nhà riêng để bố trí cho tôi ngủ và trực đường dây nóng nối với Cục Tác chiến và một số cơ quan quan trọng trong nước. Hàng ngày, cứ 5 giờ sáng, tôi có nhiệm vụ nghe và ghi tình hình chiến sự do Cục Tác chiến thông báo sang. Sau đó, báo cáo ngay cho Đại sứ. Tình cảm và sự quan tâm đặc biệt của Đại sứ với tình hình chiến sự trong nước, thể hiện tính cách đặc thù của một vị tướng hết sức trách nhiệm trong thời chiến. Có một lần trong năm 1964, tôi được Cục Tác chiến báo sang, ngày hôm qua ta thắng lớn: bắn rơi ba máy bay Mỹ, bắt sống ba giặc lái. Tôi vội báo cáo Đại sứ. Đại sứ bỏ luôn tập sách đang đọc, mắt tròn xoe, miệng

há to, vỗ tay hoan hô rồi nói với tôi: “Anh thu xếp cho tôi đi ngay. Phải báo tin này cho Mao Chủ tịch !”.

Mao Chủ tịch còn dành cho Đại sứ Trần Tử Bình của ta một đặc ân mà không có bất kì đại sứ nước ngoài nào ở Bắc Kinh được hưởng; đó là: Đồng chí Trần Tử Bình có việc gì cần, cứ liên hệ trực tiếp với Văn phòng của Mao Chủ tịch, không cần phải thông qua Bộ Ngoại giao Trung Quốc. (Việc làm cá biệt này cũng làm cho một số cán bộ Trung Quốc tỏ ra không thông).

Sự nhạy cảm và phong cách làm việc nồng cháy của Đại sứ với chiến trường trong nước, giúp tôi hiểu thêm tấm lòng của một vị tướng. Qua đây, tôi thấy mình phải gắng làm việc tốt hơn để xứng đáng với sự tin tưởng của ông.

Chuyện vui nhớ mãi

Có một lần, trước cuộc họp báo, thấy Đại sứ mặc bộ đại cán ka-ki, quần có miếng vá ở đầu gối. Tôi nhắc Đại sứ về thay bộ complet chỉnh tề hơn. Đại sứ nói ngay: “Anh hãy trả lời cho tôi một câu hỏi, nếu trả lời được thì tôi về thay. Thế thằng Mỹ mặc quần áo đẹp có được người ta khen không?”. Đoán là ông nói đùa như mọi khi, tôi đứng nghiêm, trả lời đồng dục: “Báo cáo Đại sứ, thằng Mỹ đi xâm lược thì dù có mặc quần áo đẹp, đều bị khử tất!”. Đại sứ nói: “Trả lời như vậy là được, tôi về thay quần áo ngay”, rồi ông ôn tồn giải thích “Mình có mặc quần áo đẹp thì người ta cũng biết mình có quần

áo xấu. Miễn sao, đánh Mỹ giỏi, sản xuất hàng là được. Có đúng không ?”.

Thay lời kết

Tình cảm của Đại sứ Trần Tử Bình đối với Trung Quốc đã được Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đền đáp lại tương xứng. Bạn đã tạo mọi thuận lợi cho Đại sứ hoàn thành các nhiệm vụ mà Bác Hồ giao phó.

Ngày Đại sứ mất ở Hà Nội, Sứ quán ta tổ chức lễ viếng. Đông đảo cán bộ và nhân dân Trung Quốc, Đoàn Ngoại giao đến viếng suốt hai ngày. Đặc biệt, Mao Chủ tịch đã gửi vòng hoa tới viếng. (Đây là mức độ nghi lễ chỉ thực hiện với Quốc trưởng các nước có quan hệ tốt).

Nhìn lại gần nửa thế kỷ qua, với cả khúc quanh đáng buồn trong lịch sử quan hệ giữa hai nước Việt - Trung, tôi càng thấy yêu quý biết bao những ngày tháng “*Mối tình hữu nghị Việt-Hoa/ Vừa là đồng chí vừa là anh em*”, mà đỉnh cao là thời kì 1959 - 1967, khoảng thời gian được cả hai phía ghi nhận sự đóng góp không nhỏ của Đại sứ Trần Tử Bình. Hiểu được điều này, nhân dân hai nước chúng ta càng phải biết trân trọng, duy trì và vun đắp cho nó hồi sinh và mãi mãi xanh tươi !

TÌNH BẠN VỚI CÁC TƯỚNG LĨNH TRONG QUÂN ĐỘI

Trần Kháng Chiến

Cha tôi có 14 năm quân ngũ. Những năm tháng đó ông có nhiều đồng đội thân thiết. Là đứa con lớn trong gia đình tôi may mắn được chứng kiến, được nghe lại nhiều chuyện về quan hệ gần gũi của ông với các tướng lĩnh, cán bộ cao cấp lớp đầu tiên.

Với Trung tướng Nguyễn Bình

Người mà cha tôi quen biết sớm nhất trong số những tướng lĩnh là Trung tướng Nguyễn Bình. Tên thật của ông là Nguyễn Phương Thảo, người phố Bần, Hưng Yên. Ông tham gia Việt Nam Quốc dân Đảng. Năm 1930, ông cùng nhiều đảng viên Quốc dân Đảng như Trần Huy Liệu, Trần Xuân Độ... bị bắt, bị kết án. Cha tôi biết ông trong những năm cùng ngồi tù Côn Đảo. Cha tôi kể lại rằng giữa các tù nhân Cộng sản và Quốc dân Đảng có những bất đồng về quan điểm tiến hành cách mạng. Vì có những bất đồng

nên hai “khối” tù chính trị hay tranh luận. Do vậy cha tôi cùng các tù Cộng sản có quan hệ rất cởi mở với ông Thảo. Theo cha tôi, ông Thảo là người khí phách ngang tàng, ngay thẳng. Tại Côn Đảo, ông Thảo có ảnh hưởng lớn với cánh tù thường phạm, nhất là cánh dân “anh chị” Lục tỉnh.

Ngày 20 tháng 7 năm 1945, ông Nguyễn Bình đã chỉ huy lực lượng vũ trang cướp chính quyền ở thị xã Quảng Yên (Hải Dương). Tối 19 tháng 8, chính quyền cách mạng lâm thời Bắc Bộ được thành lập. Ngày 21 tháng 8, tại Bắc Bộ phủ, trong lúc Ủy ban Cách mạng lâm thời đang họp thì được bảo vệ báo vào “có một vị mang súng lục, đeo kiếm, đi ủng cao, mặc quân phục ka-ki, trông rất oai vệ, xưng là “Nguyễn Bình, Tư lệnh Đệ tứ Chiến khu Đông Triều”, đến báo cáo Trung ương về việc Việt Minh đã giành được chính quyền tại Hải Dương”. Ủy ban tạm ngưng cuộc họp, mời khách vào trong Phủ. Cha tôi và ông Nguyễn Bình nhận ngay ra nhau, tay bắt mặt mừng sau chục năm xa cách. Cha tôi thông báo rằng Trung ương sắp về Hà Nội, đề nghị ông Bình cho bộ đội về gấp Hải Phòng, tăng cường sức mạnh cho Việt Minh giành chính quyền. Thường vụ Xứ ủy cử ngay đồng chí Vũ Quốc Uy xuống Hải Phòng. Lực lượng vũ trang Chiến khu Đông Triều đã có mặt kịp thời cùng nhân dân thành phố Cảng giành chính quyền vào ngày 23 tháng 8 năm 1945.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, nhân dân Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Hồ Chủ tịch trực tiếp cử Nguyễn Bình vào Nam Bộ, chỉ huy lực lượng vũ trang.

Với Tướng Văn Tiến Dũng

Cha tôi và chú Văn Tiến Dũng cùng tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ. Họ quen biết nhau vào đầu năm 1943, tại cuộc họp Xứ ủy do ông Hạ Bá Cang triệu tập. Cuộc đời cha tôi và chú Dũng từng gắn với chốn tu hành. Cha tôi theo học tại Chủng viện La-tinh Hoàng Nguyên từ năm 1925. Còn chú Dũng sau khi thoát ngục Sơn La năm 1942, bị mất liên lạc với tổ chức, đã xuống tóc đi tu, trụ trì một ngôi chùa nhỏ tại Vân Đình, Hà Đông. Cha tôi bị mật thám bắt cuối năm 1943, chú Dũng bị bắt tháng 8 năm 1944 khi là Bí thư Xứ ủy. Chú Dũng vượt ngục Bắc Ninh tháng 10 năm 1944, cha tôi vượt ngục Hỏa Lò tháng 3 năm 1945. Tháng 5 năm ấy, cha tôi gặp lại chú Dũng, khi chú về thay cha tôi phụ trách Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh. Sau Cách mạng tháng Tám, cả hai ông được điều động vào quân đội. Tháng 4 năm 1946, cha tôi và ông Hoàng Đạo Thúy đưa Trường Võ bị Lục quân Trần Quốc Tuấn về đóng tại thị xã Sơn Tây, thuộc địa bàn Chiến khu II mà chú Dũng là Tư lệnh. Với quan hệ thân thiết từ thời bí mật, cha tôi tranh thủ sự giúp đỡ của Tư lệnh Chiến khu II với nhà trường. Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, chú Dũng là Cục trưởng Cục Chính trị thì cha tôi được điều động về làm Trưởng phòng Cán bộ - Kiểm tra của Cục; cả hai ông đều là Phó bí thư Quân ủy. Như vậy trong những năm đầu kháng chiến, cha tôi và chú Dũng có quan hệ công tác rất gần gũi.

Giữa cha mẹ tôi và cô Kỳ, chú Dũng có mối quan hệ bạn bè thân tình. Năm 1950, khi chú Dũng nhận nhiệm vụ xuống Liên khu III, vào địch hậu làm Đại đoàn trưởng Đại đoàn 320, một mình cô Kỳ cùng hai con ở lại Chiến khu Việt Bắc. Cha tôi năm đó nhận nhiệm vụ về Trường Lục quân Việt Nam nên đã để lại cho gia đình cô chú ngôi nhà cùng ruộng vườn khai phá trong mấy năm để cô Kỳ ổn định cuộc sống và chú Dũng an tâm nơi chiến trường. Sự chia sẻ ân tình giữa những người đồng đội được cô chú nhắc lại mỗi khi chúng tôi có dịp đến thăm.

Giáp Tết 1967, cha tôi về nước công tác. Ông bị ốm phải nằm bệnh viện. Ông nhắn chú Dũng xin phép cho tôi từ đơn vị về Hà Nội, để cha con gặp nhau. Chú Dũng đã điện cho Bộ tư lệnh Hải quân cho phép tôi về. Tôi được gặp cha vào ngày 2 tết. Đó cũng là lần cuối cùng tôi được gần người cha kính yêu.

Sau khi cha tôi mất, cô Kỳ, chú Dũng luôn giành cho gia đình tôi sự quan tâm, giúp đỡ chu đáo.

Với Tướng Lê Liêm

Cha mẹ tôi có quan hệ thân thiết với gia đình chú Lê Liêm, cô Lê Thu Trà từ thời kỳ bí mật. Chú Liêm người Hà Đông, từng bị tù ở Sơn La rồi cùng cha tôi tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ. Chú lãnh đạo Tổng khởi nghĩa ở Thái Bình, Hưng Yên và là cấp trên trực tiếp của mẹ tôi. Trong kháng chiến chống Pháp, chú là Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm Chính trị Mặt trận Điện Biên Phủ. Hòa bình lập

lại, hai gia đình chúng tôi là láng giềng. Rồi chú Liêm chuyển sang Bộ Văn hóa, cha tôi sang Bộ Ngoại giao. Khi có dịp gặp nhau, hai người trao đổi rất sôi nổi về công tác văn hóa, công tác ngoại giao và những kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác mới. Xuân Tân Sửu (1962), cha mẹ tôi và cô chú cùng nhau về thăm các gia đình cơ sở cách mạng tại Ninh Bình, Hà Nam từng nuôi nấng, bảo vệ họ thời kỳ bí mật. Tại Đại hội Đảng lần thứ III, cha tôi và chú cùng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương.

Chú Lê Liêm là con người sôi nổi, nhiệt tình, có trình độ, có trách nhiệm, sống nghĩa tình được bạn bè, đồng chí quý trọng. Với chúng tôi chú là một nhân cách lớn. Là cán bộ chính trị nhưng chú rất mê văn hóa, văn nghệ. Hiếm có một thứ trưởng đam mê tranh và có thể ngồi trước pi-a-nô chơi các bản nhạc cổ điển của Su-be, Mô-da... Chú chuyển ra ngoài trước khi có đợt phong quân hàm năm 1958, tuy vậy thế hệ cán bộ thời đó vẫn trìu mến gọi chú là “Tướng Lê Liêm”.

Với cụ Hoàng Đạo Thúy và “ông con rể” Tạ Quang Bửu

Tháng 4 năm 1946, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh thành lập Trường Võ bị Lục quân Trần Quốc Tuấn. Nhà văn hóa, nhà giáo, lãnh tụ Hướng đạo sinh Việt Nam Hoàng Đạo Thúy được cử làm Giám đốc, cha tôi làm Phó giám đốc - Chính trị ủy viên. Cha tôi và cụ Hoàng Đạo Thúy rất khác nhau về hoàn cảnh xuất thân, song lại rất gần



Các đồng chí Lưu Văn Lợi, Nguyễn Sơn, Hoàng Văn Thái, Tạ Quang Bửu và vợ chồng Võ Đại tướng cùng 3 chiến sĩ quốc tế làm công tác binh vận tại Việt Bắc năm 1949.

bó với nhau vì cùng gánh vác một nhiệm vụ nặng nề do chính Cụ Hồ giao - đào tạo lớp cán bộ quân sự mới cho Nhà nước non trẻ vừa giành được độc lập. Sự đoàn kết cùng gánh vác trách nhiệm của một chiến sỹ cách mạng vào sống ra chết như cha tôi với một đại trí thức như ông Hoàng Đạo Thúy được các cán bộ của nhà trường coi như tấm gương trong việc thực hiện đường lối Đại đoàn kết dân tộc của Cụ Hồ. Cụ Hoàng Đạo Thúy trong những năm cuối đời luôn nói với các cựu học viên Trần Quốc Tuấn rằng: “Anh Bình là người bạn

tri kỷ nhất của đời tôi!”. Năm 1958, ông Hoàng Đạo Thúy được Nhà nước phong quân hàm Đại tá.

Ông Tạ Quang Bửu, một nhà khoa học lớn, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và là con rể cụ Hoàng Đạo Thúy. Cha tôi và ông Bửu có mối quan hệ thân tình. Khi quân đội bước vào giai đoạn xây dựng chính quy, hiện đại, cha tôi thường gặp ông Bửu để trao đổi, hiểu thấu đáo các vấn đề của cách mạng khoa học kỹ thuật. Đối với cha tôi đó là lĩnh vực mới lạ, cần học hỏi. Ông là người thực sự cầu thị, việc học tập nâng cao tri thức qua bạn bè (vốn là các trí thức lớn) là việc làm thường xuyên. Tôi từng được chứng kiến những lần hai người ngồi nói chuyện rất lâu, lúc chia tay vẫn còn lưu luyến.

Không chỉ với ông Tạ Quang Bửu mà cha tôi còn có mối quan hệ thân thiết, cởi mở, chân thành với các trí thức lớn như các bác sĩ Trần Duy Hưng, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Trinh Cơ, hay các nhân sĩ Bồ Xuân Luật, Trương Công Quyền...

Với Lương quốc Tướng quân Nguyễn Sơn

Cha tôi quen biết ông Nguyễn Sơn sau Cách mạng tháng Tám, khi ông mới ở Trung Quốc về nước. Năm 1947, ông là Giám đốc Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn mà trước đó cha tôi phụ trách. Năm 1948, cha tôi vào Quân khu IV công tác, gặp ông Sơn tại Bộ tư lệnh Quân khu, đóng ở Thanh Hóa. Ông Sơn đã tâm sự với cha tôi như người bạn thân lâu ngày gặp lại. Cha tôi kể rằng ông Nguyễn Sơn rất thông minh, có tài diễn thuyết, có tri thức

sâu rộng cả về văn hóa, xã hội, thông thạo tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Anh và là một vị tướng có tài, có kinh nghiệm. Cha tôi rất thú vị khi được ông trao đổi về việc tổ chức “đại hội tập” (hội thao), công việc hết sức mới mẻ đối với quân đội non trẻ của chúng ta. Năm 1950, theo thỏa thuận của lãnh đạo hai nước, ông Nguyễn Sơn trở về Trung Quốc. Năm 1955, ông được Nhà nước Trung Quốc phong quân hàm Thiếu tướng. Năm 1954, Trường Lục quân Việt Nam đóng tại thành phố Quế Lâm đã đón ông Nguyễn Sơn về thăm. Ông dành nhiều thời gian nói chuyện với cán bộ, học viên, tiếp xúc với những chiến sỹ ưu tú từ khắp các chiến trường được chọn về học khóa IX. Trong dịp này ông mua cho bọn trẻ con nhà tôi một chiếc xe ô tô Jeep - đồ chơi bằng gỗ, chạy được nhờ có bàn đạp, có thể chở được ba đứa. Chiếc xe đó được gia đình giữ đến những năm sáu mươi.

Trong thời gian chiến đấu ở Trung Quốc, ông Nguyễn Sơn đã xây dựng gia đình với một nữ đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc - bà Trần Kiếm Qua. Ông bà có hai người con là Tiểu Phong và Tiểu Việt. Khi cha tôi làm Đại sứ đã bắc chiếc cầu để Tiểu Phong và Tiểu Việt tìm tới gia đình ở Việt Nam. Chuyện này được bà Trần Kiếm Qua kể lại trong cuốn sách “Hoàng Hà nhớ, Hồng Hà thương”. Chúng tôi rất cảm động khi được đọc cuốn sách này.

Với ông Trần Đăng Ninh - bạn tù Hỏa Lò

Cha tôi bị giam tại nhà tù Hỏa Lò cùng Bí thư Xứ ủy

Trần Đăng Ninh. Sau khi Nhật đảo chính Pháp vào tối mùng 9 tháng 3 năm 1945, cha tôi cùng ông Ninh và nhiều tù chính trị đã vượt ngục trở về với Đảng. Trong tù, hai ông là hạt nhân đoàn kết, tích cực tham gia tổ chức lên lớp lý luận, truyền đạt kinh nghiệm cho anh em tù chính trị. Sau cách mạng, ông Ninh tham gia Trung ương, là Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp. Ông là một cán bộ gương mẫu, luôn nêu cao tấm gương sáng cho cán bộ, chiến sỹ về tác phong cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Hè năm 1954, tôi được theo cha đến thăm ông đang chữa bệnh tại Nam Ninh. Tôi nhớ như in hình ảnh hai người nắm tay nhau không rời, nói chuyện rất lâu. Khi ra về cha tôi đã rơi nước mắt vì biết bệnh tình của người bạn tù khó qua khỏi. Ông Ninh mất năm 1955. Toàn quân để tang ông. Cha tôi cùng toàn thể cán bộ, chiến sỹ, học viên Trường Lục quân Việt Nam đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu ông - một cán bộ chỉ huy ưu tú của Quân đội Nhân dân Việt Nam, một chiến sỹ Cộng sản kiên cường.

Tại Nghĩa trang Mai Dịch Hà Nội, cha tôi và ông Trần Đăng Ninh được an táng cạnh nhau.

Với Thiếu tướng Đặng Kim Giang

Ông Đặng Kim Giang cùng cha tôi tham gia Xứ ủy, ông phụ trách tỉnh Hà Đông. Những ngày tháng 8 năm 1945, cha tôi và ông luôn bên nhau để bàn bạc, ra những quyết định kịp thời cho cuộc Tổng khởi nghĩa tại

Hà Đông vào ngày 20 tháng 8. Trong kháng chiến ông là Phó chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ là Chủ nhiệm Hậu cần, ông luôn có mặt trên mọi nẻo đường để kiểm tra, đốc thúc việc bảo đảm lương thực, đạn dược cho bộ đội. Năm 1958 ông được phong quân hàm Thiếu tướng. Nhân dịp mười năm Quốc khánh Trung Quốc ngày 1 tháng 10 năm 1959, Thiếu tướng Đặng Kim Giang được tháp tùng Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp sang thăm Trung Quốc. Chúng tôi còn giữ được tấm ảnh Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, bà Tống Khánh Linh, ông Đồng Tất Võ ra tận sân bay Bắc Kinh đón đoàn. Cha tôi và ông Giang cũng có mặt tại buổi lễ.

Cha tôi luôn khen ông Giang là người ngay thẳng, bộc trực, rất tận tâm trách nhiệm. Khi cha tôi đi làm Đại sứ thì ông về phụ trách Bộ Nông trường. Hồi đó Trung Quốc giúp ta xây dựng một số nông trường nên ông và cha tôi thường gặp nhau trao đổi. Tôi nhớ ông có tác phong rất bình dân, khi trò chuyện với cha tôi, ông hay khoanh chân lên ghế và nói rất sôi nổi về sự nghiệp phát triển nông trường quốc doanh, về cả giống lúa, giống ong, giống gia súc mới cùng kỹ thuật canh tác... Năm 1961, ông mời cha tôi đi nghỉ kết hợp làm việc hai tuần tại Nông trường Hải Hậu. Khi về cha tôi cho biết với sự nỗ lực của ông Giang các hạng mục do Trung Quốc giúp đều được triển khai đúng tiến độ, khai thác có hiệu quả, mang lại những giá trị kinh tế, xã hội đáng kể.

Tình bạn với Tướng Hoàng Văn Thái

Cha tôi và ông Hoàng Văn Thái quen biết nhau sau Cách mạng tháng Tám, khi cha tôi thay ông tiếp nhận Trường Quân chính Việt Nam. Trên cương vị Tổng Tham mưu trưởng, ông luôn dành cho nhà trường sự giúp đỡ kịp thời trong hoàn cảnh rất khó khăn. Ông tham gia cách mạng từ năm 1936. Năm 1940, ông là một trong 20 thanh niên Việt Nam được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi sang học tại Trường Quân sự Quảng Tây của Quốc dân đảng. Năm 1944, ông là một trong 34 chiến sỹ của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, ông là Tham mưu trưởng chiến dịch, có bí danh là Thành. Cái tên này đã trở nên thân quen, gần gũi với nhiều cán bộ, chiến sỹ Quân đội Nhân dân Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ.

Trong kháng chiến và sau ngày hòa bình lập lại, hai gia đình có thời gian dài sống cạnh nhau. Mẹ tôi rất thân cô Loan (vợ ông), một trong hai nữ chiến sỹ đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Ngày vừa nghe tin ông mất, mẹ tôi đến nhà riêng chia buồn. Bị sốc nặng vì sự ra đi đột ngột của chồng, cô Loan suy sụp không thể gượng dậy. Thông cảm với tình cảnh của bạn, mẹ tôi nắm chặt tay cô an ủi, động viên: “Hai mươi năm trước mình cũng phải gánh chịu những mất mát, đau đớn như Loan lúc này. Nhưng phải nén đau thương vì còn các con !”.



*Đoàn đại biểu Quân đội tại Đại hội Đảng IV năm 1976.
Hai hàng đầu từ trái qua: các đồng chí Hoàng Văn Thái,
Lê Hiến Mai, Chu Văn Tấn, Chu Huy Mân, Lê Quang Đạo,
Trần Độ, Trần Văn Trà, Trần Quý Hai...*

Với gia đình Trung tướng Trần Độ

Năm 1939 khi cha tôi hoạt động tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam thì cô Nguyễn Thị Hằng là giao thông Xứ ủy, thường chuyển tài liệu, chỉ thị của ông Hoàng Quốc Việt cho cha tôi. Sau Cách mạng tháng Tám, cô xây dựng gia đình với chú Trần Độ. Trong kháng chiến chống Pháp, hai gia đình sống gần nhau trên Việt Bắc.

Chú Độ là dân Thái Bình, tính tình hóm hỉnh, có tài kể

chuyện, viết văn. Có lần chúng tôi hỏi về lần đầu tiên gặp cha tôi, chú cười và chậm rãi nói: “Đó là lần chú vi phạm kỷ luật chiến trường, bị ông Bình - phụ trách kiểm tra của quân đội - tuyên bố kỷ luật...”. Chú Độ là người thích chụp ảnh, gia đình tôi còn giữ được nhiều ảnh do chú chụp cho trong thời gian sống ở chiến khu. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, chú là Chính ủy Đại đoàn 312. Trong kháng chiến chống Mỹ, chú chiến đấu tại chiến trường Nam Bộ. Năm 1974 chú từ chiến trường trở ra Bắc, gia đình chú chuyển về số nhà 97 Trần Hưng Đạo. Từ đó hai gia đình lại trở thành láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau.

Có một điều thú vị: dân Thái Bình rất tự hào là quê hương sản sinh ra nhiều vị tướng lĩnh đầu tiên của quân đội như Hoàng Văn Thái, Trần Độ, Đặng Kim Giang, Tạ Xuân Thu.

Với Thượng tướng Chu Văn Tấn

Năm 1940 khi là Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam thì Xứ ủy chỉ thị cho cha tôi tiến hành hoạt động hưởng ứng Khởi nghĩa Bắc Sơn. Cha tôi cùng các đồng chí của mình đã lập kế hoạch chiếm đồn binh Phủ Lý, nhưng việc không thành. Sau Cách mạng tháng Tám, cha tôi gặp ông Chu Văn Tấn - người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nổi tiếng này, người được gọi là “Hùm xám Bắc Sơn”. Cha tôi và ông Tấn trở nên đôi bạn tri kỷ. Năm 1950, theo lệnh của Hồ Chủ tịch xử vụ án Trần Dụ Châu, Thiếu tướng Chu Văn Tấn ngồi ghế Chánh án,

Thiếu tướng Trần Tử Bình là Công tố ủy viên. Để phiên tòa tiến hành theo đúng các nguyên tắc pháp lý, ông Tấn, cha tôi cùng các cán bộ quân đội được triệu tập tham dự phiên tòa phải tập trung cao độ trong một thời gian ngắn, lập được hồ sơ, lập được bản luận tội qua các chứng cứ, nhân chứng. Cho đến ngày hôm nay tinh thần của bản án vẫn còn nguyên giá trị chống tham nhũng trong thời kỳ đổi mới.

Thời kì bắt đầu chiến tranh phá hoại, biết ông Tấn thường phải đi công tác đến các tỉnh vùng cao, ở đó không có điện để nghe tin tức, cha tôi đã dành tiền tiết kiệm của mình mua tặng ông chiếc radio Sony ba băng, bán dẫn, chạy pin.

Cha mẹ tôi luôn coi ông Tấn là hiện thân của tinh thần Đại đoàn kết dân tộc, biểu hiện lòng trung thành của các dân tộc Việt Bắc với cách mạng, với Bác Hồ.

Với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh

Tôi được đọc lá thư của ông Nguyễn Chí Thanh gửi cho cha tôi cuối năm 1959 với nội dung: *Quân ủy Trung ương có đề nghị phong quân hàm Trung tướng cho anh, nhưng Hồ Chủ tịch cho rằng anh đang làm công tác ngoại giao, chưa cần thiết. Để khi nào hết nhiệm kỳ Đại sứ, có nhu cầu thì sẽ tiến hành phong quân hàm.* Sau này ngẫm lại mới thấy cha tôi và ông Thanh có một quan hệ rất thân tình. Trong lưu trữ của gia đình chúng tôi còn giữ được một số ảnh cha tôi chụp chung với ông Thanh khi ông

sang thăm Trung Quốc hay khi hai ông sang dự Đại hội Đảng Lao động Triều Tiên, đến thăm Bàn Môn Điểm.

Đối với cha mẹ tôi, ông Thanh là con người Cộng sản gương mẫu. Khi ông được giao nhiệm vụ phụ trách mảng nông nghiệp, vì từng làm phu cao su ở Nam Bộ nên cha tôi hay bàn bạc với ông về trồng trọt rồi cùng rủ nhau đi thăm các hợp tác xã, nông trường. Lần đầu tiên chúng ta đưa máy cày xuống cày thử trên cánh đồng ruộng nước ở huyện Gia Lâm, tôi được cha cho đi cùng. Khi đến nơi đã thấy ông Thanh có mặt. Sau khi xem anh em công nhân cho máy cày hết cánh đồng, ông đã đặt nhiều câu hỏi cho các chuyên gia. Ông lo là máy cày này vẫn chưa thật phù hợp với ruộng nước, nếu triển khai cần phải có những cải tiến.

Tháng 2 năm 1967 khi cha tôi mất, từ chiến trường ra ông Thanh đã dự trọn vẹn lễ tang và đưa cha tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi còn nhớ như in nét mặt súc động, thương cảm của ông. Rồi tháng 7 năm đó, toàn quân, toàn dân, trong đó có gia đình tôi, đau đớn khi nghe tin ông qua đời.

* * *

Chúng tôi rất tự hào vì cha mẹ từng là bộ đội Cụ Hồ, tự hào vì thời gian trong quân ngũ của ông bà có những người bạn, người đồng chí thân tình. Cũng từ cơ sở đó mà chúng tôi - thế hệ con cái - có mối quan hệ thân thiết với con cái của những đồng đội, những người bạn của cha mẹ chúng tôi.

NHỚ VỀ MỘT TÌNH BẠN CHÂN THÀNH

Trần Thành Công

Tình bạn, tình đồng chí của những cán bộ cách mạng lão thành thế hệ thứ nhất, thứ hai thật thân tình. Trong đó có quan hệ giữa gia đình tôi với gia đình bác Lý Ban.

Bác Lý Ban tên thật là Bùi Công Quan, sinh năm 1912 tại Long Hòa, Cần Đức, tỉnh Long An. Năm 1927 khi đang học trung học tại Sài Gòn, bác được thầy giáo Phạm Văn Đồng giác ngộ và giới thiệu kết nạp vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Bác tuyên truyền cách mạng trong học sinh, sinh viên người Việt và người Hoa. Năm 1930, bác được kết nạp Đảng. Cuối 1931, sau hai lần bị thực dân Pháp bắt nhưng không có chứng cứ nên bác bị đưa về quản thúc ở quê nhà. Giữa năm 1932, bác trốn lên Sài Gòn bắt liên lạc với Đảng nhưng không thành. Ở lại rất nguy hiểm, thông qua những người bạn Hoa kiều ở Chợ Lớn, bác xuống một chiếc tàu buôn lánh nạn sang Hồng Kông.

Tại thành phố Sán Đầu, sau khi bắt liên lạc được với tổ chức, bác tham gia hoạt động tại Quảng Đông. Đầu 1934, bác được giới thiệu vào học Trường Đảng tại Khu căn cứ Thụy Kim (tỉnh Giang Tây) với cái tên Lý Ban. Tại đây, bác đã gặp Nguyễn Sơn, một cán bộ cao cấp người Việt. Bác được làm quen với các thầy từng là giáo viên Trường Quân sự Hoàng Phố, đang là những cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc như: Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Đổng Tất Võ, Diệp Kiếm Anh... Giữa 1934, bác được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tháng 10 năm 1934, Tưởng Giới Thạch huy động 1 triệu quân tấn công Khu căn cứ Thụy Kim. Để bảo toàn lực lượng, Hồng quân Công nông phải tổ chức Vạn lý Trường chinh rút lên Tây Bắc, xây dựng căn cứ. Bác Lý Ban cùng ông Nguyễn Sơn tham gia cuộc hành quân gian khổ này. Rời Thụy Kim được ít ngày, bị ốm nặng bác phải nằm lại dọc đường. Khi khỏi bệnh, mất liên lạc, bác phải đi bộ hàng nghìn cây số, vượt vòng vây kẻ thù, trở về Quảng Đông. Trong năm 1935, bác bám dân, vận động quần chúng khôi phục hệ thống cơ sở cách mạng tại Mai Châu, Triều Châu, Sán Đầu. Đầu năm 1937, cuộc kháng chiến chống Nhật bùng nổ, bác được bầu làm Tỉnh ủy viên Liên tỉnh ủy Phúc Kiến - Quảng Đông - Giang Tây. Suốt 8 năm kháng Nhật, bác là một cán bộ lãnh đạo có năng lực được nhân dân Trung Quốc tin yêu. Thời gian này, bác xây dựng gia đình với một người Hoa tên là Ôn Bích Trân. Bà là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 1937.

Từ năm 1942, Bác Hồ có thỏa thuận với Bạn xin một số cán bộ người Việt đang hoạt động ở Trung Quốc về nước. Bác Lý Ban và bác Nguyễn Sơn có tên trong danh sách. Đến năm 1946, sau khi cách mạng thành công, bác đưa gia đình trở về và công tác tại cơ quan Trung ương Đảng do đồng chí Trường Chinh phụ trách. Vì đã có những kinh nghiệm hoạt động, bác được giao tổ chức Hoa kiều Vụ và biên soạn tài liệu công tác chính trị trong quân đội, sổ tay chính trị viên v.v... Đến năm 1948, bác được cử làm Cục phó Chính trị Cục Quân đội quốc gia (khi đó đồng chí Văn Tiến Dũng là Cục trưởng), đồng thời phụ trách việc liên lạc với Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua hệ thống vô tuyến điện sóng ngắn. Ngày đó trên Chiến khu Việt Bắc, anh Lý Tân Hoa (con cả của bác) mới 14-15 tuổi nhưng đã được giao làm liên lạc đưa công văn, thư từ cho bác Trường Chinh, bác Phạm Văn Đồng. Thời gian này cha tôi là Phó bí thư Quân uỷ, Phó tổng Thanh tra quân đội. Vì cha tôi là bạn tù Côn Đảo với bác Phạm Văn Đồng, nên bác Đồng đã giới thiệu bác Lý Ban và bác Nguyễn Sơn kết thân với cha tôi.

Đến tháng 8 năm 1949, Trung ương Đảng giao cho bác Lý làm phái viên cao cấp, vượt vòng vây ra Móng Cái sang Đông Hưng (Quảng Đông), lên Bắc Kinh gặp các đồng chí lãnh đạo Trung Quốc. Bác Hồ tận tay giao cho bác lá thư gửi cho vợ chồng đồng chí Chu Ân Lai, Đặng Dĩnh Siêu. Biết chuyến đi sẽ vô cùng gian khổ, bác gửi

4

bác gái và các con nhờ bạn bè chăm sóc. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, bác Lý được giao nhiệm vụ phụ trách việc tiếp nhận giúp đỡ của Bạn cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Hòa bình lập lại trên miền Bắc, sau khi tham gia xây dựng ngành Ngân hàng và Hải quan, năm 1959, bác được bổ nhiệm Thứ trưởng, Bí thư Đảng-đoàn Bộ Ngoại thương. Tại Đại hội Đảng lần thứ III, bác được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta bước vào giai đoạn ác liệt thì trong phe xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc có những bất đồng dẫn đến mâu thuẫn, ảnh hưởng đến sự ủng hộ quốc tế đối với Việt Nam. Với chủ trương giữ vững đoàn kết với các đảng anh em, tranh thủ một cách hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, bác được giao nhiệm vụ tham gia xây dựng các hiệp định hợp tác kinh tế hàng năm giữa hai nước Việt - Trung. Bác thường xuyên làm việc với Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Đinh Đức Thiện, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trần Sâm để nắm vững nhu cầu của quân đội, cũng như các đồng chí Phạm Hùng, Hoàng Văn Thái để nắm bắt nhu cầu chiến trường miền Nam. Các yêu cầu của quân đội và chiến trường luôn được ưu tiên trong các hiệp định kinh tế Việt - Trung.

Từ những ngày đầu đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, bác đã liên hệ với Bạn cho đặt bộ phận tiếp nhận viện trợ theo đường sắt liên vận quốc tế tại Bằng Tường. Trong suốt thời gian chiến tranh, bộ phận này đã



*Lễ kí kết Hiệp định Thương mại giữa hai Chính phủ.
Hàng đứng, từ trái qua: Lý Ban (3), Trần Tử Bình (4).*

hoàn thành nhiệm vụ. Mặc dù có thời gian Cảng Hải Phòng bị phong tỏa nhưng một khối lượng lớn hàng hoá vẫn được vận chuyển vào Việt Nam, chi viện hiệu quả cho chiến trường.

Mỗi lần Phó thủ tướng Lê Thanh Nghị dẫn đầu sang đàm phán các hiệp định kinh tế với Bạn, bác luôn đi “tiền trạm”. Mối quan hệ thân tình trong những năm tháng hoạt động ở Trung Quốc của bác có tác dụng trong những lần đàm phán. Tận dụng mối quan hệ này bác cùng tổ chuyên viên đã soạn thảo những văn bản hiệp định, tranh thủ được sự giúp đỡ của Bạn.

Anh em cán bộ ở Sứ quán kể lại nhiều chuyện thú vị trong đàm phán. Với chủ trương tận dụng tối đa sự giúp

đỡ của Bạn mà đoàn đàm phán của ta đã xin thêm được nhiều khoản viện trợ, từ hàng chục nghìn chiếc mũ cối, ba-lô đến vài nghìn chiếc xe đạp Vĩnh Cửu, Phương Hoàng dùng làm xe thô; thậm chí xin thêm cả số lượng xe ô tô vận tải. Lần đó Bạn đồng ý viện trợ cho 2.000 xe vận tải ba cầu Giải Phóng nhưng ta đề nghị xin thêm số phụ tùng thay thế với lí luận: điều kiện chiến tranh ở Việt Nam rất ác liệt, trên đường vận chuyển xe sẽ bị trúng bom mìn, nếu không có phụ tùng thay thế thì chỉ vứt xó, sử dụng viện trợ không hiệu quả. Phía Bạn đã trả lời: Không thể sản xuất kịp số phụ tùng thay thế cho 2.000 xe. Sau khi bàn bạc, Đại sứ Trần Tử Bình đã thay mặt đoàn đưa ra yêu cầu: “Vậy các đồng chí viện trợ cho chúng tôi thêm 500 đến 1.000 xe nữa, nếu khó khăn thì có thể cản trở vào khoản khác. Khi cần chúng tôi có thể lấy phụ tùng của xe chưa sử dụng thay vào xe hỏng hóc”. Bằng quan hệ và cách thuyết phục khéo léo mà đề nghị này được Bạn chấp nhận.

Sau ngày cha tôi mất, bác Lý Ban vẫn duy trì quan hệ thân thiết với các đồng chí Đinh Đức Thiện, Phan Trọng Tuệ, Đặng Tính để tham gia chỉ đạo khảo sát địa hình từ Lạng Sơn vào tận Quảng Bình (sau này tới Đường 559), xây dựng dự án lắp đặt hệ thống ống dẫn, các trạm bơm dã chiến và một tổng kho xăng dầu tại Bằng Tường. Trong chiến tranh, hệ thống cung cấp xăng dầu này đã tiết kiệm được nhiều công sức và xương máu của chiến sĩ, đồng bào, phục vụ các binh đoàn xe tăng, xe cơ giới

trong các chiến dịch và góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh.

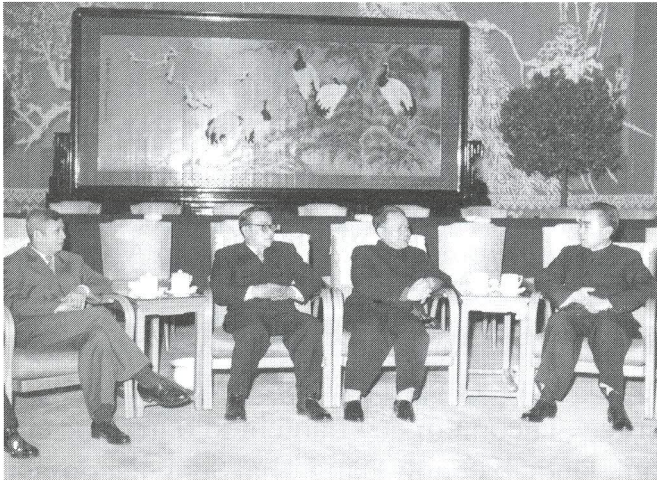
* * *

Từng làm phu ở vùng đất đỏ miền Đông Nam Bộ, khi gặp bác Lý Ban là dân Nam Bộ gốc, cha tôi thường tâm sự: “Tôi mê cái đất Nam Bộ của anh, đồng ruộng phì nhiêu thẳng cánh cò bay; riêng đồn điền của tôi, rừng cao su kéo dài tít tận chân trời. Còn Bắc Bộ đất chật người đông. Sau này thống nhất, tôi có nguyện vọng về Nam sinh sống”.

Là người lặn lội đây đó, gặp bác Lý Ban là người từng bôn ba hải ngoại thì cha tôi đem lòng quý trọng. Những năm 1950, khi bác phụ trách tiếp nhận viện trợ của Trung Quốc thì cha tôi phụ trách Trường Lục quân Việt Nam đóng quân ở Trung Quốc. Những năm 1960, hai ông cùng tham gia đoàn đàm phán của Chính phủ ta với Bọn. Chính môi trường làm việc càng gắn kết hai người. Để đi đến kí kết chính thức nhiều văn bản hiệp định phải có những cuộc thương lượng, gặp gỡ mang tính chất cá nhân. Bác Lý và cha tôi cùng làm việc đó. Ngoài giờ thương thảo, nhất là những ngày đoàn tạm rút về nước, cha tôi ở lại Bắc Kinh đã tận dụng mối quan hệ “vừa là đồng chí vừa là anh em” cùng quan hệ thân quen để thuyết phục và tranh thủ sự ủng hộ của các đồng chí Trung Quốc. Phải nói bác Lý và cha tôi rất tâm đầu ý hợp, rất tâm đắc khi đưa ra những giải pháp có lợi cho cách mạng Việt Nam.

Sau chiến thắng Biên giới năm 1950, anh Lý Tân Hoa được về Trung Quốc đi học. Đến tuổi nhập ngũ, anh trở thành chiến sĩ Quân giải phóng nhân dân, sau đó được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đầu những năm 1960, anh là sinh viên khoa Văn, trường Bắc Đại. Thời kì này, là Bí thư Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tại Trung Quốc, cha tôi đã kí quyết định chuyển Đảng cho anh trở thành đảng viên Đảng Lao động Việt Nam. Đồng thời anh được hưởng chế độ của cán bộ Việt Nam đi học với học bổng ưu đãi. Đây là một ưu ái của cách mạng đối với gia đình bác Lý.

Những ngày ở Bắc Kinh, anh Hoa thường vào Sứ quán



Các đồng chí Lý Ban, Trần Tử Bình, Lê Thanh Nghị trong buổi tiếp khách của Thủ tướng Chu Ân Lai.

thăm cha tôi. Sống xa gia đình, xa Tổ quốc, anh coi cha tôi như bố đẻ của mình. Đến chơi gặp buổi cán bộ, nhân viên Sứ quán lao động trồng cây, tưới hoa là anh xắn quần cùng làm. Anh kể lại cha tôi đã chỉ cho anh cách làm cỏ, bón phân vào từng gốc đào: “Ngày xưa bác đã phải bón phân cho từng gốc cây cao su ở đồn điền Phú Riềng. Việc này tưởng đơn giản nhưng không dễ nếu cháu không làm”. Đến thăm cha tôi, gặp bữa thì ăn cơm cùng. Vừa ăn cha tôi vừa ân cần dặn dò: “Cháu phải cố gắng học tập để sau này về nước phục vụ nhân dân. Đất nước ta sau năm tháng chiến tranh thiếu thốn, khó khăn nhiều lắm. Đừng bao giờ ỷ thế là con em cán bộ cao cấp mà lười biếng... “. Cha tôi rất quý chị Kim Na, người yêu sau này là vợ anh Hoa. Khi cả hai tốt nghiệp về nước, cha tôi bảo với bác Lý Ban nên cho chị Kim Na về dạy tiếng Nga, tiếng Anh ở Trường đại học Ngoại thương. Trong lá thư viết về cho mẹ tôi có đoạn rất thân tình: “*Gửi em tám ảnh anh và Cu Tám chụp cùng con dâu anh Lý Ban. Cháu Kim Na con một đồng chí Trung ương ủy viên đã hy sinh. Nó thông minh lắm, biết tiếng Nga, Anh. Chắc bai đưa sẽ đến chào em*”.

Thời gian ở Bắc Kinh, anh Hoa còn gặp một số anh em trẻ cùng lứa như Đặng Thái Sung, Võ Văn Biệt, Nguyễn Minh Trực... là con em của bạn chiến đấu được cha tôi rất quan tâm. Được biết anh Đặng Thái Sung là con người bạn tù Côn Đảo. Trong kháng chiến chống Pháp, anh Sung làm liên lạc cho bộ đội Sư đoàn 338, đến năm 1954 được

tập kết ra Bắc. Nghe tin, cha tôi đã cử đồng chí bí thư vào tận Sầm Sơn (Thanh Hóa) tìm anh Sung để cho đi học, sau về làm việc ở Thương vụ. Còn anh Võ Văn Biệt là con liệt sĩ Võ Văn Tần, thời gian đó làm giao thông ngoại giao của Sứ quán ta. Cha tôi quý anh Biệt như con, còn anh Biệt gọi cha tôi là “chú”, gọi “thím” Hưng là “bà già trâu” (vì suốt ngày bồm bồm nhai trâu). Anh em trong nhà rất quý mến anh Biệt, anh Sung. Riêng anh Nguyễn Minh Trực, con trai Tướng Nguyễn Chánh (đã mất năm 1957), khi đang học có yêu chị Châu, người Trung Quốc. Ngày đó việc sinh viên Việt Nam yêu và cưới vợ người nước ngoài là điều cấm kị. Vì tình cảm giữa hai gia đình, vì hạnh phúc đôi lứa, cha tôi đã điện về nước xin cho anh Trực được cưới chị Châu. Cha tôi có một tình cảm rộng lớn với con em đồng đội, nhất là bạn chiến đấu đã hy sinh.

Ở Hà Nội, cứ ngày nghỉ, gia đình bác Lý thường qua thăm mẹ tôi và gia đình ở 99 Trần Hưng Đạo. Anh Hoa được tâm sự với cha mẹ tôi đã kể lại rằng năm 1963 khi dọn nhà về đây, cha tôi cảm thấy sống rất thoải mái và thực sự hài lòng: “Cháu có biết cuộc đời bác có hai niềm hạnh phúc lớn nhất là cùng 5.000 công nhân cao su làm nên một “Phú Riêng Đỏ” lịch sử và tham gia cướp chính quyền ở Hà Nội. Ngay tại 101 phố Gambetta¹ - số nhà bên cạnh, trong những ngày tháng Tám năm 1945 lịch

¹ Tên cũ của đường Trần Hưng Đạo.

sử, bác đã có mặt cùng đồng chí Nguyễn Khang và anh em trong Ủy ban Quân sự cách mạng chớp thời cơ, ra quyết định Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội...”. Đúng là ở những người cộng sản chân chính thì hạnh phúc riêng bao giờ cũng nằm trong cái hạnh phúc chung rộng lớn !

Ngày về nước anh Hoa có mang theo chiếc xe đạp Vĩnh Cửu có khung cao to, chắc chắn. Cứ mỗi lần đến chơi là chúng tôi lại mượn xe, chở nhau chạy vòng quanh sân, hò reo sung sướng. Khi thấy trong phòng khách nhà tôi treo nhiều tranh ảnh nghệ thuật quý, anh Hoa đã phát biểu: Hiếm có gia đình cán bộ nào sống văn hóa như thế !

Cha mẹ tôi cũng như hai bác thuộc lòng tính cách của mỗi đứa con trong hai gia đình. Chị Hồng, tôi và em Việt Trung đều là sinh viên Đại học Ngoại thương do Bộ Ngoại thương quản lý. Tuy vậy bác Lý Ban cũng không tạo những ưu ái riêng cho chúng tôi. Cha mẹ tôi cũng vậy, rất quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt của anh Hoa, chị Niệm Vân, anh Tân Việt và Lý Tân Huệ. Đặc biệt em Lý Tân Huệ học cùng Trần Hữu Nghị từ ngày ở Trại nhi đồng miền Bắc, rồi sau này là Trường Nguyễn Văn Trỗi. Ngày Huệ được đi học đại học ở Đức, bác gái đến gặp mẹ tôi tâm sự: “Nhờ chị khuyên bảo cháu họ tôi khi sang đó thì cố gắng học tập, tránh chơi bời lêu lổng mà bị ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại !”. (Nghĩ lại mà thấy sự ấu trĩ của một thời nhưng câu chuyện đó đã nói lên tình cảm thân thiết giữa hai gia đình).

Sớm ngày mừng 3 Tết năm 1967, cha tôi vội vã ra đi, chẳng kịp trời trăng. Vừa nghe tin, bác Lý Ban cùng các

chú các bác Nguyễn Cơ Thạch, Lê Quang Đạo, Trần Duy Hưng, Phạm Kiệt, Xuân Thủy, Nguyễn Khai, Nguyễn Văn Lợi cùng cô Hà Giang, bác Trương Thị Mỹ... là những người bạn thân thiết có mặt ngay tại Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô. Đúng vào dịp nghỉ Tết, hai bên tạm ngừng bắn nên Trung ương quyết định tổ chức tang lễ ngay trong ngày. Bác Lý Ban rất buồn và tiếc rằng đất nước chưa kịp thống nhất để ông bạn người Bắc được sống những ngày cuối đời ở mảnh đất Nam Bộ thân yêu.

Có một kỷ niệm khó quên với gia đình: Năm 1970, gia đình anh Hứa Minh Triết xin cho anh được cưới chị Yên Hồng. Thời gian đó mẹ tôi lại đang chữa bệnh tại Bắc Kinh. Mẹ viết mấy dòng về nhờ vả. Bác Lý Ban cùng bác Hoàng Quốc Việt đã nhận lời thay mặt nhà gái đứng ra làm lễ cưới. Tiệc trà mừng tân hôn tuy thiếu vắng cha mẹ nhưng tràn ngập tình yêu thương của các cô, các chú, các bác - bạn bè thân thiết của cha mẹ chúng tôi. Thật cảm động !

Năm 1984, sau khi bác Lý Ban mất, gia đình anh Lý Tân Hoa trở về quê ngoại ở Trung Quốc. Trước khi xa, cả nhà bay ra Hà Nội đến Ba Đình viếng Lăng Bác và chia tay những gia đình thân thiết. Thời bao cấp cả nước khó khăn nhưng mẹ tôi và cả nhà vẫn làm một bữa phở bò chia tay. Bữa ăn gia đình thanh đạm, không bia rượu nhưng đậm đà tình cảm. Trước khi chia tay, mẹ tôi dặn anh Hoa phải chăm lo sức khỏe cho bác gái và hy vọng quan hệ giữa hai nước sẽ sáng sủa như ngày nào.

Vậy mà đã hơn 20 năm...

NỖ NHỚ HỒNG HÀ¹

Trần Kiếm Qua²

Việt Nam là Tổ quốc của Hồng Thủy - Nguyễn Sơn và cũng là Tổ quốc thứ hai của các con Trung Quốc của ông. Gia đình chúng tôi có mối tình thân không gì có thể chia cắt được với nhân dân Việt Nam.

Năm 1962, sáu năm sau ngày Hồng Thủy tạ thế, cháu Tiểu Phong đang học cấp III ở Trường Trung học số 4 Bắc Kinh. Để hiểu hơn về người cha thân yêu của mình, Tiểu Phong đã viết một bức thư gửi đồng chí Trần Tử Bình, Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc.

Trần Tử Bình là bạn chiến đấu của Hồng Thủy. Cuối năm 1945 từ Trung Quốc về, Nguyễn Sơn được Hồ Chủ tịch và Chính phủ giao làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến

¹ Trích "Hoàng Hà nhớ, Hồng Hà thương" (NXB Văn học - 2001).

² Bà vợ người Trung Quốc của Lương quốc Tướng quân Nguyễn Sơn - Hồng Thủy.

Nam Bộ. Sau đó đồng chí được giao làm Hiệu trưởng khóa II Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn mà trước đó Trần Tử Bình là Chính ủy. Ngày 16 tháng 2 năm 1947, hai đồng chí khai giảng đào tạo khóa II tại thị xã Tuyên Quang. Tình bạn, tình đồng chí gắn bó cuộc đời hai người lính từ đây. Đầu năm 1948, do thành tích chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh phong hàm cho chín thiếu tướng (trong đó có Nguyễn Sơn và Trần Tử Bình) cùng với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Trung tướng Nguyễn Bình. Năm 1956, khi Hồng Thủy bị bệnh khó qua khỏi, ông rời Trung Quốc trở về Việt Nam. Trước khi về nước, ông đến thành phố Quế Lâm (Quảng Tây) thăm lại trường cũ (khi đó đã đổi tên thành Lục quân Việt Nam). Chính uỷ Trần Tử Bình, Hiệu trưởng Lê Trọng Tấn cùng thầy trò nhà trường đã đón tiếp người thầy cũ thật nồng hậu. Anh em hàn huyên kể lại chuyện những ngày chiến đấu bên nhau...¹

Đại sứ Trần Tử Bình rất phấn khởi đọc hết bức thư của Tiểu Phong. Ông tin chắc rằng, cơ hội để nối lại mối liên hệ với các thân nhân Trung Quốc của Hồng Thủy đã đến. Đại sứ hẹn cháu Phong đến gặp mình tại Sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh.

Đại sứ quán Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đặt tại khu Ngoại giao đoàn trên đường Quang Hoa, vùng ven

¹ Đoạn này đã xin phép tác giả và sửa lại so với bản chính.

phía đông thành phố. Bước vào cổng Sứ quán, ngược nhìn lên lá cờ đỏ sao vàng đang tung bay trên cao, lòng Tiểu Phong vô cùng xúc động. Dân tộc sinh ra cha mình là một dân tộc dũng cảm, kiên cường, đã có lịch sử quang vinh lâu đời chống ngoại xâm. Khi Tiểu Phong xuất hiện ở đại sảnh tầng một, Đại sứ Trần phấn khởi ra đón. Ông ngắm kĩ từ đầu đến chân, dùng hai tay nắm đôi vai chắc nịch của Tiểu Phong, vui vẻ thốt lên:

- Ôi, đây là con trai Hồng Thủy ! Giống cha cháu quá !

Đại sứ dặt tay cháu cùng bước vào phòng khách. Trong phòng khách, trên bức tường chính diện có treo một tấm ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Trên bức tường bên là một bức tranh thuỷ mặc lớn rất đẹp và sinh động vẽ phong cảnh và sinh hoạt của nhân dân Việt Nam. Nhà khách được trang hoàng vừa long trọng, vừa nhã nhặn, mang rõ phong cách nước ngoài. Tiểu Phong mơ màng như đang sống trên Tổ quốc của cha mình.

Đại sứ Trần và Tiểu Phong cùng ngồi trên một chiếc đi-văng dài và trao đổi chuyện trò.

- Cháu năm nay bao nhiêu tuổi? - Đại sứ hỏi.

- Dạ, mười tám ạ !

- Cha cháu lần đầu tới Trung Quốc mới mười sáu tuổi. Sau này khi chúng ta cùng nhau chiến đấu, ông ấy rất dũng cảm. Lúc đó người ông gầy gầy, trông rất đẹp trai.

Đại sứ nói một hồi bằng tiếng Trung Quốc, rồi hai bác cháu trò chuyện với nhau thân thiết, nhiệt tình, thoải mái

không bị câu thúc, không cần phiên dịch. Đại sứ hỏi han kĩ về tình hình gia đình chúng tôi. Ông còn nói cho cháu Tiểu Phong biết Bác Hồ cũng luôn luôn nhớ tới các thân nhân Trung Quốc của Hồng Thủy, Bác đã dặn ông mấy lần phải liên hệ với thân nhân của Hồng Thủy.

Khi cuộc gặp mặt sắp kết thúc, Đại sứ nói với vẻ rất quan tâm:

- Tiểu Phong, bác có thể giúp cháu liên hệ với thân nhân Việt Nam.

Tiểu Phong thắc mắc hỏi:

- Gia đình cháu ở Việt Nam còn những ai ?

Đại sứ nói cho Tiểu Phong biết ở Việt Nam cháu còn một bà mẹ Việt Nam rất dịu dàng, hiền hậu tên là Lê Hoàng Huân và sáu anh chị em cùng bố khác mẹ. Tiểu Phong nghe vậy mặt có vẻ buồn rầu. Đại sứ Trần trông thấy Tiểu Phong như được thấy con trai mình ở Việt Nam. Với thái độ chân tình như cha con, ông an ủi, động viên Tiểu Phong và đem việc tôi và Hồng Thủy phải chia tay kể lại cho cháu nghe.

- Tiểu Phong, ba cháu là bạn chiến đấu của bác, bác rất hiểu ba cháu. Ba cháu là một người hiếm có được nhân dân hai nước Trung - Việt rất mực tin yêu. Mẹ của cháu cũng vậy, là một người phụ nữ Trung Quốc phi thường, vĩ đại, có trái tim bằng vàng. Cháu hãy tự hào vì cha mẹ mình !

Tiểu Phong rất yêu mẹ, người đã dẫn dắt cháu trong



*Tảo mộ Tướng Hồng Thủy tại nghĩa trang Mai Dịch, 23-3-1998.
Từ trái qua: Tiểu Việt (1), bà Trần Kiểm Qua (8), Hàn Dụ Gia -
Tù viên Quân sự Trung Quốc (9) cùng gia đình.*

hoàn cảnh gian nan, khốn khổ, đồng thời cũng rất yêu cha, người đã từng ôm cháu, âu yếm kể chuyện cho cháu nghe. Đối với việc cha mẹ phải chia tay nhau, cháu không khỏi có phần thương cảm. Đại sứ Trần rất thông cảm, động viên cháu:

- Cháu Phong, chiến tranh đã tạo nên bi kịch, cha mẹ cháu phải chia tay. Đó là điều đáng buồn do lịch sử để lại, không sao cứu vãn nổi. Chúng ta phải nhìn về phía trước. Cháu là cốt nhục của hai nước Việt - Trung, có trách nhiệm thực hiện lời di nguyện của cha cháu, làm sứ

giả hữu nghị cho đời sau giữa nhân dân hai nước Việt - Trung. Đó là ước muốn của Bác Hồ kính yêu và cũng là mong muốn của bác đối với cháu.

Tiểu Phong thông minh, hiểu biết, tính cách rộng rãi, đã thành khẩn nói với Đại sứ:

- Bác Trần ơi, thế thì nhờ bác giúp cháu liên hệ với mẹ cháu và các chị em cháu ở Việt Nam !

Đại sứ Trần Tử Bình mỉm cười, gật đầu. Được sự giúp đỡ của Đại sứ, Tiểu Phong được tin về những người thân ở Việt Nam một cách nhanh chóng...

* * *

Tiểu Phong gặp Đại sứ Trần Tử Bình năm 1962. Vì chiến tranh mà hơn mười năm sau, năm 1973, hai con trai của Thiếu tướng Nguyễn Sơn - Tiểu Việt, Tiểu Phong - mới sang Việt Nam, đến Hà Nội thăm mẹ Lê Hoàng Huân và các em trong gia đình thứ hai của mình. Cả gia đình đã đến Nghĩa trang liệt sĩ ở thị xã Hà Đông viếng mộ Thiếu tướng Nguyễn Sơn và đồng đội của ông...

Gần hai chục năm bật vô âm tín, tới tháng 8 năm 1992, Tiểu Việt mới có dịp trở lại Việt Nam công tác. Anh em đoàn tụ nhưng mẹ Lê Hoàng Huân đã mất năm 1991. Lần này, Tiểu Việt may mắn được tới tiếp kiến Đại tướng Võ Nguyên Giáp, bạn chiến đấu của ba mình, nhân dịp mừng thọ ông 80 tuổi.

Từ năm 1993, Thanh Hà và Việt Hằng thường xuyên sang Bắc Kinh thăm mẹ Trần Kiếm Qua và gia đình

Trung Quốc. Rồi anh chị em qua lại Hà Nội và Bắc Kinh nhiều lần.

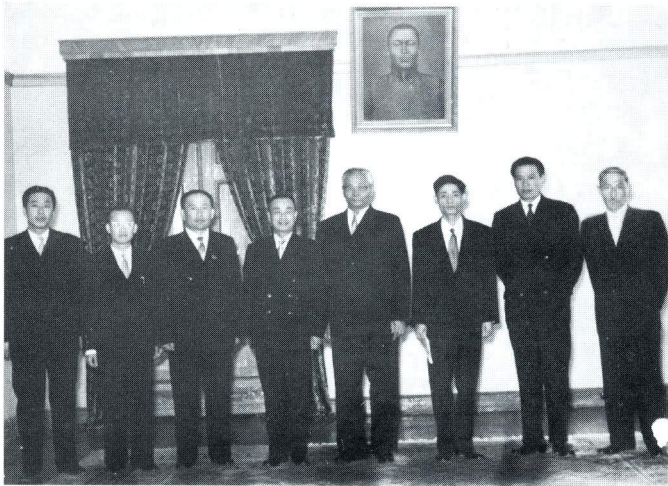
Năm 1998, nhận lời mời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, bà Trần Kiếm Qua bước vào cửa nhà chồng khi đã ở tuổi 84.

Ngày 16 tháng 3 năm ấy, bà cùng gia đình Tiểu Việt đi trên chuyến tàu liên vận quốc tế thứ năm từ Bắc Kinh đến Hà Nội...

Ngày 23-3-1998, đại gia đình đã đến tảo mộ Thiểu tướng Nguyễn Sơn - Hồng Thủy tại Nghĩa trang Liệt sĩ Mai Dịch, Hà Nội.



*Lễ trình quốc thư cho Mao Chủ tịch
tại Bắc Kinh, đêm 15-4-1959.*



Lễ trình quốc thư cho Chủ tịch Quốc hội Mông Cổ Sam-bu, năm 1959.



*Đoàn Chính phủ do Thủ tướng Phạm Văn Đồng
dẫn đầu tiếp kiến Mao Chủ tịch ngày 15-6-1961.*



*Đoàn Chính phủ do Phó thủ tướng Nguyễn Duy Trinh
dẫn đầu làm việc với Chủ tịch Mao Trạch Đông, năm 1964.*



Đoàn Chính phủ Việt Nam do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu dự kỷ niệm 15 năm Quốc khánh Trung Quốc 1949-1964.



Mao Chủ tịch tiếp đoàn Chính phủ ta, năm 1966.



Cùng đồng chí Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức chụp ảnh kỷ niệm với đoàn văn công Việt Nam, ngày 11-10-1962.



Cùng đoàn phụ nữ miền Nam do đồng chí Nguyễn Thị Bình tiếp kiến bà Đặng Đình Siêu, ngày 25-7-1963.



Chủ tịch Kim Nhật Thành đón đoàn đại biểu Đảng ta do đồng chí Nguyễn Chí Thanh dẫn đầu sang dự Đại hội Đảng Lao động Triều Tiên năm 1963.



Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp đoàn đại biểu Việt Nam, Lào năm 1961



Đoàn Bộ Ngoại giao ta do Thứ trưởng Nguyễn Cơ Thạch dẫn đầu tiếp kiến Bộ trưởng Trần Nghị năm 1963.



Lễ ký kết Hiệp định Thương mại giữa hai nước Việt - Trung.



Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam sang dự Đại hội Đảng Lao động An-ba-ni tháng 11-1966.



Tại sân bay Gia Lâm trước chuyến đi công tác.



*Cùng ông Phan Anh đến thăm mộ liệt sĩ
Phạm Hồng Thái tại Quảng Châu năm 1964.*



*Vợ chồng Đại sứ cùng các đồng chí ở cơ quan đại diện
Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tại Bắc Kinh.*